

TRẦN TRỌNG KIM - NGUYỄN VĂN NGỌC - ĐẶNG BÌNH PHÚC - ĐỖ THẬN
hiên soạn



QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Table of Contents

[Tựa](#)

[Một Ông Quan Thanh Liêm](#)

[Chuyện Một Người Thợ Đá Có Lương Tâm](#)

[Tôi Đi Học](#)

[Con Cò Mà Đi Ăn Đêm](#)

[Đi Học Phải Đúng Giờ](#)

[Ai Ơi, Chớ Vội Khoe Mình](#)

[Tối Ở Nhà](#)

[Cái Lưới](#)

[Ba Thầy Thuốc Giỏi](#)

[Lòng Thảo Hiếm Có](#)

[Lòng Kính Yêu Chi](#)

[Kính Trọng Người Già Cả](#)

[Lòng Thương Ké Tôi Tớ](#)

[Lời Khuyên Con](#)

[Thương Người Như Thể Thương Thân](#)

[Anh Nói Khoác](#)

[Con Chồn Và Con Gà Trống](#)

[Chơi Đùa Không Phải Là Vô Ích](#)

[Chỗ Quê Hương Đẹp Hơn Cả](#)

[Người Say Rượu](#)

[Người Nghiện Thuốc Phiện](#)

[Người Ta Phải Làm Việc](#)

[Khuân Tảng Đá](#)

[Học Trò Biết Ơn Thầy](#)

[Đi Học Để Làm Gì?](#)

[Công Việc Nhà Nông](#)

[Công Việc Nhà Nông \(tiếp\)](#)

[Làm Con Phải Cho Để Dạy](#)

[Có Học Phải Có Hạnh](#)

[Chớ Nên Ham Mê Cờ Bạc](#)

[Kính \(Gương\) Đeo Mắt](#)

[Truyện Người Thừa Cung](#)

[Chữ Nho](#)

[Không Nên Hành Hạ Loài Vật](#)

[Không Nên Phá Tổ Chim](#)

[Ông Vua Có Lòng Thương Dân](#)

[Đường Xe Lửa Chạy Suốt Xứ Đông Dương](#)

[Ăn Chơi Và Buôn Bán Quanh Năm](#)

[Thơ Cái Nón](#)

[Người Đi Đường Với Con Chó](#)

[Không Nên Báo Thù](#)

Các Khoa Thi

Người Đi Buôn Thật Thà

Một Người Anh Tốt

Đạo Bằng Hữu Phải Cho Có Thủy Chung

Lính Thú Đời Xưa (Lúc ra đi)

Lính Thú Đời Xưa (Lúc đóng đồn)

Không Tham Của Người

Không Vì Tiền Mà Làm Điều Phi Nghĩa

Quốc Văn Giáo Khoa Thư

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

Lời giới thiệu:

Quyển sách này là sách rất quan trọng cho học sinh bậc Tiểu Học ở Việt Nam hơn nửa thế kỷ trước.

Để những bậc có tuổi nhớ lại "kỷ niệm êm đẹp" ngày xưa, những em cháu còn trẻ hiện nay biết được phần nào việc: "Ngày xưa cha anh đã học thế nào?".

Tôi xin hân hạnh giới thiệu lại tập sách đã "vang bóng một thời" này.

Sách này do NHA HỌC CHÍNH ĐÔNG PHÁP

đã giao cho các ông:

TRẦN TRỌNG KIM, NGUYỄN VĂN NGỌC,

ĐẶNG ĐÌNH PHÚC, ĐỖ THẬN

biên soạn

Tựa

Trong những thập niên đầu thế kỷ 20, bộ sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư được Nha học chính Đông Pháp cho giảng dạy ở các Trường Tiểu học – tức cấp I ngày nay – trên toàn cõi Việt Nam.

Tác giả bộ sách là các ông: Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận, những người có kiến thức thuộc hàng uyên bác ở vào thời ấy.

Có thể nhận định chung rằng những bài trong bộ sách này là nhằm góp phần bồi dưỡng cái vốn kiến thức cơ bản, thuộc loại đầu đời, để cho các em nên người. Cụ thể, ở trong gia đình là đứa con có hiếu với ông bà, cha mẹ, thuận thảo với anh chị em, ở nơi trường học là người học trò nghiêm túc, chăm ngoan, biết kính yêu thầy, biết giúp đỡ bạn, ngoài xã hội là

một công dân giàu lòng tự trọng, luôn giữ phẩm hạnh của mình, biết tự hào về cội nguồn dân tộc, biết trân trọng vẻ đẹp quê hương, thương yêu đồng bào, đồng loại như yêu bản thân mình. Cùng với trách nhiệm bảo vệ môi trường xã hội, là sự giữ gìn đạo lý, thượng tôn pháp luật, bộ sách còn khuyên các em bảo vệ môi trường thiên nhiên, chống lại việc phá tổ chim đến tệ xử ác đối với loài vật.

Không chỉ kể chuyện ngày nay, sách còn nhắc chuyện ngày xưa, không chỉ lấy những tấm gương từ trong lịch sử dân tộc, sách còn rút những bài học từ trong lịch sử nước ngoài, không chỉ kể chuyện con người, sách còn mượn chuyện loài vật, nói chung sách đã dẫn dắt các em vào các vấn đề bao quát từ đạo làm con, làm dân đến những vấn đề nhỏ bé, từ cách ăn mặc, viết thư, đến môn vệ sinh thường thức hàng ngày. Bằng lối hành văn giản dị, gãy gọn, hài hoà được lý và tình, sách nêu lên cả mặt phải cũng như mặt trái của nhiều sự việc, vận dụng được nhiều kiến thức cả trong truyền thống cũng như hiện đại, kết hợp được nhiều giá trị đạo lý đông phương cùng với tây phương.

Qua nhiều năm tháng, bao nhiêu thế hệ đã kế tiếp nhau trên ghế nhà trường cảm thụ chung cái vốn liếng tinh thần như thế, và nội dung sách đã thành sợi dây nghĩa tình thắt nối liền họ với nhau, như một gia đình văn hoá đậm đà màu giáo-khoa-thư.

Hẳn nhiên, qua nhiều biến chuyển của thời gian và những biến đổi lớn trên đất nước, lời văn của sách và nhiều kiến thức chứa đựng đã bị thực tế vượt qua, nhưng về cốt lõi, giá trị của sách vẫn đáng trân trọng, xét trên nhiều mặt. Bởi các tiêu chuẩn đạo đức mà sách truyền dạy cho các con em, ở trong gia đình, nơi chốn học đường và trên bình diện xã hội, đều còn giữ được giá trị truyền thống, giá trị nhân văn cần thiết cho sự vươn lên của mọi con người. Ngoại trừ một số bài mang rõ ý hướng chính trị của thời thuộc Pháp – điều mà ở vào thời đó sách phải chấp nhận cho thế tồn tại công khai – đã được loại bỏ, chúng tôi có in lại đúng nguyên tác từ các bản in thời trước cùng phần minh hoạ vốn được khắc gỗ ngày nào, kèm theo những dòng giải thích, bình luận ngắn gọn phù hợp quan điểm của ngày nay, để chuyển trở về nguồn này có giá trị kế thừa cần thiết.

Nhà xuất bản Thanh Niên 1995

Do không có điều kiện nên tôi không thể cho đăng lại các ảnh minh họa. Tôi cũng tạm lược bỏ phần “kèm theo” của Nhà xuất bản Thanh Niên. Mong các bạn thông cảm.

Một Ông Quan Thanh Liêm

Ông Trịnh Đàm Toàn làm quan đời xưa, có tiếng là người nhân từ trung hậu, chỉ siêng việc nước giúp dân yên, hết lòng bênh vực những kẻ hèn yếu. Thường ai cho gì ông cũng không lấy. Một ngày kia, có người đem lễ một bao trà, ông không muốn nhận, người kia cứ nói mãi, ông nể lòng, bảo cất đi. Đến khi xem ra thì thấy trong bao toàn những đồ vàng cả. Ông không nói gì, lại đập nắp lại, rồi cho gọi người ấy đến mà bảo rằng: “Vừa rồi ta tưởng hết trà uống, mà nhà ngươi lại có lòng tốt đem cho, thì ta lấy. Nhưng bây giờ xem ra thì trong nhà hãy còn đủ uống”. Nói xong đưa bao trà trả lại. Nói rồi ông cũng không tỏ cho ai biết là người ấy người ấy đến cầu cạnh mình. Ấy, không những ông là một người làm quan thanh liêm mà lại có tính hèn hậu, không hay đem chuyện bí mật của người ta mà thổ lộ ra ngoài.

*Giải nghĩa:

Thanh liêm: trong sạch, nghiêm chỉnh. Nhân từ: thương người. Trung hậu: ăn ở có đạo lý, có tình nghĩa. Cầu cạnh: tìm cách để xin một ân huệ nào đó. Hèn hậu: hiền lành, tốt bụng. Bí mật: kín đáo. Thổ lộ: bày tỏ ra ngoài.

Chuyện Một Người Thợ Đá Có Lương Tâm

Người ta ở đời phải ăn ở có trung hậu thành thực, dẫu được giàu sang mà làm điều trái đạo, thì thế nào (1) cũng không làm, mà làm điều ngay lành, thì dẫu có cực khổ, cũng cố (2) làm cho được.

Xem (3) như đời xưa, người Sái Kinh là một đứa gian nịnh có quyền thế, thấy bọn Tư Mã Quang là trung thần, không chịu vào đảng với mình, bèn đem lòng ghen ghét, sai thợ khắc tên những ông ấy vào bia đá, bày ở các phủ huyện để làm cho xấu xa.

Lúc ấy có một người thợ đá tên An Dân, không chịu khắc, nói rằng: “Chúng tôi ngu dốt, không hiểu ý làm sao, nhưng cứ như bọn ông Tư Mã Quang thì ai cũng khen là chính trực, mà sao lại bảo là gian tà, tôi không nở khắc”. Quan phủ giận, toan bắt tội. An Dân khóc mà nói rằng: “Bắt làm thì tôi xin làm, nhưng xin tha cho, đừng bắt khắc tên người thợ đá ở dưới bia”. Quan phủ nghe câu ấy, cũng thẹn mặt với người thợ đá.

*Giải nghĩa:

Trung hậu: ngay thẳng, hiền lành, trước sau như một. Trái đạo: ngược với đạo lý, lẽ phải. Quyền thế: quyền hành và thế lực, chỉ những kẻ có chức vị lớn. Trung thần: Kẻ bề tôi hết lòng phục vụ nhà vua. Bọn: ở đây có nghĩa là những người cùng chung một tình cảm, một lý tưởng, khác với tiếng bọn ngày nay mang ý nghĩa coi rẻ, để chỉ sự tập hợp của những người nhân cách không ra gì. Chính trực: đường hoàng, ngay thẳng. Gian tà: làm điều gian dối, tàn ác. Thẹn mặt: mắc cỡ, xấu hổ.

(1) làm sao

(2) ráng

(3) Coi

Năm nay tôi lên bảy (1) tuổi. Tôi không chơi đùa lêu lổng (2) như mấy năm còn bé. Tôi đi học. Tôi học đọc, học viết, học tính, học vẽ và nhiều khoa học khác nữa.

Tôi cố tôi học. Tôi chăm tôi học, học sao cho mau tấn tới cho “văn hay chữ tốt” cho cha mẹ và thầy giáo được vui lòng.

*Giải nghĩa:

Lên bảy: được bảy tuổi (Bảy là phát âm theo miền Bắc). Lêu lổng: tha hồ chơi đùa không ai ngăn cấm. Còn bé: còn nhỏ (bé là tiếng quen dùng ở miền Bắc). Khoa học: ở đây có nghĩa là môn học, như luân lý, toán, địa lý, sử v.v... Tấn tới: mỗi ngày một khá hơn, giỏi hơn. Văn hay: ở đây chỉ bài làm có kết quả.

Con Cò Mà Đi Ăn Đêm

(Ca dao)

Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao,
Ông ơi ông vớt tôi nao!
Tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.

*Giải nghĩa:

Lộn cổ: đâm đầu xuống. Vớt: lôi từ dưới nước lên. Nao: như nào, là một tiếng đệm sau lời kêu nài. Xáo măng: nấu chung với măng tre để làm món ăn.

Đi Học Phải Đúng Giờ

Xuân đi học coi người hớn hở,
Gặp cậu Thu đi ở giữa đàng,
Hỏi rằng: "Sao đã vội vàng,
Trống chưa nghe đánh, đến tràng làm chi?
Thôi, hãy hượm, đừng đi, anh ạ.
Này con khăng tôi đã sẵn rồi.
Cùng nhau ta hãy đánh chơi.
Lát rồi ta sẽ tới nơi cũng vừa."
- Thu đáp lại: "Dẫu giờ còn sớm,
Cũng nên đi, kéo chậm làm sao?
Nếu chờ khi đánh trống vào,
Dầu ta rảo bước tài nào kịp cho.
Trễ giờ ta phải nên lo."

*Giải nghĩa:

- Hớn hở = người nom có dáng vui vẻ. - Hãy hượm (= hưỡn) = thông thả, đừng đi vội. - Con khăng = con khăng thường làm bằng hai miếng tre hay gỗ, vót tròn, một miếng dài, một miếng ngắn. - Rảo bước = đi mau chân.

Ai Oi, Chớ Vội Khoe Mình

Con bướm bướm kia, cánh vàng rực rỡ, lại có những đốm đen, đốm đỏ, trông rõ thật đẹp. Một hôm, bay nhón nhơ trên bụi cây ở vệ đường. Hết ngành nọ, sang ngành kia, thảnh thơi vui thú. Tưởng mình đã đẹp, thì ai chẳng kính yêu. Ngờ đâu có ba anh học-trò đi học về, bỗng trông thấy bướm kia đang bay ở bụi cây trước nặt, vội vàng, anh thì lấy nón úp, anh thì lấy sách đập, xô đẩy nhau đuổi bắt cho được.

Con bướm bướm kia đã vào tay lũ trẻ, thôi thì hết anh này lôi cánh, lại đến anh kia kéo chân, thật là rã rời toi tả, chẳng được bao lâu mà hóa ra từng mảnh. Ấy cũng vì con bướm bướm có cái sắc đẹp, mà phải những cái tai hại thảm thiết như thế. Thật đáng thương thay!

*Giải nghĩa:

- Nhón nhơ = nhí nhảnh, làm bộ làm dáng. - Ngành = nhánh. - Thảnh thơi = nhàn hạ phong lưu, không có bận bịu điều gì. - Rã rời toi tả = tan nát ra. - Thảm thiết = khốn nạn, đáng thương xót.

Tối Ở Nhà

Cơm nước xong, trời vừa tối. Ngọn đèn treo, thấp giữa nhà. Cha ngồi đọc nhật báo. Anh đang ngồi cúi xuống xem sách hay làm bài. Mẹ và chị, kim chỉ vá may. Ở bên cạnh, hai đứa em nhỏ đang nghe bà kể câu chuyện cổ tích, thỉnh thoảng lại khúc khích cười với nhau rất vui vẻ.

Ban ngày đi làm ăn khó nhọc; tối đến cả nhà được đông đủ sum vầy như vậy, tưởng không có cảnh nào vui hơn.

*Giải nghĩa:

- Nhật báo: báo ra hằng ngày.
- Chuyện cổ tích: chuyện đời xưa.
- Sum vầy: hội họp, quây quần, gần gũi bên nhau

*Trong bản của Nxb Thanh Niên, có chữ "nữa" ở cuối câu: "tưởng không có cảnh nào vui hơn nữa".

Cái Lưỡi

Một hôm, người chủ bảo người đầy tớ rằng: “Mày ra bắt con lợn đem làm thịt, và xem cái gì ngon hơn cả thì đem về đây cho tao”.

Tên đầy tớ vâng lời, bắt lợn giết và lấy cái lưỡi đem vào hầu chủ.

Mấy hôm sau, người chủ muốn thử tên đầy tớ, lại bảo nó đi làm thịt con lợn khác và dặn rằng: “Xem cái gì không ngon hơn cả thì đem vào”.

Tên đầy tớ làm lợn xong, lại đem cái lưỡi vào cho chủ.

Người chủ hỏi: “Thằng này láo! Sao lần này mày lại đem cái lưỡi vào cho ta như lần trước?”

- “Thưa ông, cũng một cái lưỡi, khi tử tế ra thì không có gì tốt cho bằng, nhưng khi độc ác, thì lại không có gì xấu bằng”.

*Giải nghĩa:

Đầy tớ: người ở, kẻ hầu hạ trong nhà. Lợn: (tiếng quen dùng miền Bắc) tức con heo. Thử: tìm cách nào đó để dò biết một sự thật. Láo: ở đây là tiếng mắng của người trên để nói về sự vô lễ, sự bất kính của kẻ dưới.

Ba Thầy Thuốc Giỏi

Một ông thầy thuốc già, chữa bệnh giỏi có tiếng. Phải khi ông ốm nặng, các học trò đến châu chực, thuốc thang bên cạnh. Ông cố gượng nói rằng: “Lão biết mình lão đã đến ngày tận số rồi, nhưng lão có nhắm mắt, cũng cam lòng, vì lão có để lại cho đời ba thầy thuốc rất hay”. Ông nói đến đây, nhọc quá, phải nghỉ. Các thầy thuốc học trò thấy ông nói thế, đều lắng tai nghe, ai cũng nghĩ bụng, trong ba nười ấy, thế nào cũng có tên mình. Ông nghỉ rồi lại nói: “Trong ba thầy thuốc ấy, thì hay nhất là thầy Sạch sẽ, thứ nhì là thầy Điều độ, thứ ba là thầy Thể thao. Sau khi thầy mất rồi, nếu các anh biết theo ba thầy ấy mà chữa cho người ta, thì thiên hạ khỏi được biết bao nhiêu là bệnh tật”.

Giải nghĩa: Cố gượng: gắng hết sức vì suy yếu. Tận số: hết số, ý nói sắp chết. Cam lòng: thoả lòng, hả dạ. Điều độ: luôn giữ chừng mực, phải chăng, không ít không nhiều. Thể thao: các môn vận động cơ thể. Thiên hạ: nói chung mọi người.

Lòng Tháo Hiểm Có

Mẫn Tử Khiêm, mẹ mất sớm, bị người dì ghẻ ác nghiệt, xử tàn nhẫn lắm. Mùa rét chỉ cho Mẫn tử mặc một manh áo mỏng, còn hai con riêng mình, thì cho mặc áo bông, áo mền tử tế.

Một hôm, người cha sai Mẫn tử đi đẩy xe, Mẫn tử rét quá, lập cập vấp ngã. Cha quở mắng, Mẫn tử cũng không nói gì. Sau cha biết người dì ghẻ để cho Mẫn tử phải chịu đói rét, và thường khi lại còn hành hạ khổ sở, thì muốn đuổi ngay đi.

Mẫn tử biết ý, can cha rằng: "Dì con mà còn ở lại, thì chỉ có một mình con chịu rét mà thôi, chớ dì con mà không ở đây nữa, thì ba anh em chúng con đều bị đói rét cả."

Người cha nghe nói, cho là phải, và người dì ghẻ thấy Mẫn tử hiếu đễ như thế, lấy làm cảm động, từ đó cư xử với Mẫn tử rất là tử tế.

*Giải nghĩa. - Tàn nhẫn = làm cho người ta đau đớn, khổ sở. - Áo mền = áo lót có lông dựng ở giữa. - Can = ngăn không để ai làm một việc gì. - Cảm động = thấy việc gì ở ngoài mà động đến trong lòng.

Lòng Kính Yêu Chị

Ông Lý-Tích làm quan to đời xưa. Ông đã già mà vẫn yêu kính chị một cách khác thường. Một hôm, bà chị ốm, ông thân hành đi nấu cháo cho chị ăn, chẳng may gió quạt ngọn lửa cháy cả râu. Bà chị nói rằng; "Nhà thiếu gì đầy tớ mà em lại khổ thân như vậy?" - Ông đáp lại rằng: "Nay chị đã già, mà em cũng già rồi, dẫu em có muốn nấu cháo cho chị ăn mãi, phỏng đã dễ mà được hay sao?"

Một người như ông Lý Tích, làm quan quyền quý bao nhiêu mà yêu chị như thế, thật là đáng khen thay!

Ôi! Anh chị em là cùng một cha mẹ sinh ra, ở với nhau từ thuở nhỏ dại cho đến khi khôn lớn, dạy bảo nhau, bênh vực nhau, lúc vui cười, lúc buồn-bực, bao giờ cũng có nhau, thì cái tình thân ái biết bao giờ cho phai nhạt đi được!

*Giải nghĩa.

- Ốm = đau. - Thân hành = Tự mình đi làm lấy. - Khổ thân = để thân mình phải chịu điều khổ. - Quyền quý = có quyền tước sang trọng. - Thân ái = yêu mến thân thiết.

Kính Trọng Người Già Cả

Một lũ học trò ngồi xúm xít ở hàng nước, đang cười cười nói nói. Có một cụ già lưng còng, tóc bạc, cũng muốn vào hàng nước nghỉ. Nhưng mấy cái ghế chật ních cả rồi, cụ cứ loanh quanh (xa xắn) đứng ở ngoài.

Một cậu học trò ít tuổi nhất, thấy thế, vội vàng đứng ngay vậy, nhường chỗ mời cụ ngồi. Sau lại cầm hộ cả cái điều đưa cho cụ hút thuốc. Mấy cậu ngồi bên cạnh, bây giờ cùng bảo nhau ngồi dồn lại cho rộng chỗ.

Cụ già ăn thuốc xong, khen các cậu rằng:

“Các cậu là học trò tràng nào, mà khéo học được những điều lễ phép như thế! Lão đây thật lấy làm quý hoá cái nết của các cậu”.

*Giải nghĩa:

Xúm xít: tụ họp nhiều người lại một chỗ. Chật ních: không còn chỗ hở nào. Cầm hộ: cầm giúp (hộ là tiếng quen dùng ở miền Bắc). Ăn thuốc: (lối nói quen dùng ở miền Bắc) tức hút thuốc lào. Tràng: (tiếng quen dùng ngày xưa) trường. Lão: tiếng người già tự xưng.

Lòng Thương Kẻ Tội Tớ

Ông Lưu Khoan thuở xưa là một ông quan có tiếng nhân từ. Một hôm, ông mặc áo, đội mũ chỉnh tề, sắp đi châu. Con thị thì bưng bát cháo lên hầu. Chẳng may lỡ tay đánh đổ cháo ra

áo chầu. Con thị thì sợ hãi, vội vàng lấy tay vuốt chỗ cháo đổ. Ông Lưu Khoan không đổi sắc mặt, từ từ nói rằng: “Mày có bỏng tay không?”

Ôi! Tay người ta bỏng thì đau đớn nhiều, áo quí mà hoen bẩn là việc nhỏ. Ông Lưu Khoan biết quên cái áo bị bẩn của mình, mà chỉ nghĩ đến tay bỏng của người đầy tớ, thật là người có đại độ, biết thương người dưới.

*Giải nghĩa: Nhân từ: có lòng thương người. Chính tề: ngay ngắn, đàng hoàng. Chầu: vào triều để tiếp đón vua và nghe vua ra các mệnh lệnh. Thị thì: tiếng gọi người ở gái trong nhà quan ngày xưa. Không đổi sắc mặt: ý nói không chút giận dữ. Bỏng: (tiếng quen dùng ở miền Bắc) phỏng, dập. Hoen bẩn: (tiếng quen dùng ở miền Bắc) bị vấy điều dơ, bị các chất dơ làm cho xấu đi. Đại độ: có độ lượng lớn, có bụng rộng rãi, biết bao dung và thương người.

Lời Khuyên Con

(Ca dao)

Con ơi, muốn nên thân người,
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha.
Gái thì giữ việc trong nhà,
Khi vào canh củi, khi ra thêu-thùa.
Trai thì đọc sách, ngâm thơ,
Dùi mài kinh sử để chờ kíp khoa.
Mai sau nổi được nghiệp nhà,
Trước là đẹp mặt, sau là ấm thân.

*Giải nghĩa.

- Canh củi = dẹt tơ, dẹt vải. - Dùi mài = chăm-chỉ học-hành. - Kinh-sử = sách vở học để đi thi. - Kịp khoa = đây là kịp khoa thi.

Thương Người Như Thể Thương Thân

Thấy người hoạn nạn thì thương,
Thấy người tàn tật lại càng trông nom.
Thấy người già yếu ốm mòn,
Thuốc thang cứu giúp, cháo cơm đỡ dần.
Trời nào phụ kẻ có nhân,
Người mà có đức, muôn phần vinh hoa.

Nguyễn Trãi gia huấn.

*Đại ý

- Trong bài nói phải thương hết cả mọi người cùng khổ, hoạn nạn, như người tàn tật, người già cả, người ốm yếu. làm điều hay thì gặp hay, dù không nữa, thì trong bụng cũng được hả hê.

*Giải nghĩa.

- Trông nom = coi sóc. - Hoạn nạn = những điều sảy đến làm cho lo lắng khổ sở. - Phụ = quên ơn, bội nghĩa. - Có nhân = có lòng thương yêu mọi người. - Có đức = có bụng tốt, ăn ở tử tế với mọi người. - Vinh hoa = sang trọng, sung sướng.

Anh Nói Khoác

Tí và Sửu đi qua một đám ruộng bí. Tí chợt trông thấy quả bí to, nói rằng: "Chà! Quả bí đâu mà to như thế kia!" Sửu có tính hay nói khoác, cười mà bảo rằng: "Thế đã lấy gì làm to. Tôi đã từng thấy những quả bí to hơn nhiều. Có một bận, thật mắt tôi trông thấy một quả bí to bằng cả một cái nhà ở trước mặt ta kia kìa. - Tí nói: "Thế đã lấy gì làm lạ. Tôi còn nhớ một bận tôi trông thấy cái xanh đồng to vừa bằng cả cái đình làng ta ấy". - Sửu hỏi: "Cái xanh ấy dùng để làm gì mà to quá như thế?" - "À, thế bác không biết à. Cái xanh ấy dùng để luộc quả bí của bác vừa nói ấy mà."

S Sửu biết Tí chế nhạo mình, mới nói lảng ra chuyện khác.

Nói điều gì phải cho đúng với sự thật, chớ nên bịa đặt ra mà người ta chê cười.

*Giải nghĩa. - Nói khoác = nói quá sự thật. - Quả = trái. - Xanh = đồ bằng đồng dùng để đun nấu, có hai quai, và khác với cái chảo, vì nó bằng tròn.

Con Chồn Và Con Gà Trống

Một hôm, con chồn gặp con gà trống ở bụi tre. Gà sợ, kêu rối rít. Chồn cũng sợ chủ nhà họ bắt được, thì họ đập chết. Chồn bèn lấy lời ngon ngọt dỗ gà rằng: "Sao bác lại gắt gỏng như vậy? Tôi với bác là họ hàng bà con với nhau cả đấy mà." Gà thấy chồn nói dễ nghe, cất tiếng gáy vui vẻ lắm. Chồn khen nức nở: "Ôi chao! bác gáy sao mà hay như thế! Song tôi còn nhớ ngày xưa ông nhà ta gáy còn hay hơn mấy, vì lúc cụ gáy cụ cứ nhắm mắt lại." Gà lại gáy, nhưng vẫn còn ngờ vực, chỉ nhắm có một mắt mà thôi. Chồn ở dưới làm như gõ nhịp, vừa cười vừa nói: "Ôi chao ôi hay quá! Nhưng nếu bác nhắm cả hai mắt lại mà gáy, thì tôi chắc bao nhiêu gà ở xung quanh đây nghe tiếng chỉ những nổi cơn ghen lên mà chết!" Gà đặc ý,

nhắm tít cả hai mắt lại, định gáy cho thật hay, nhưng vừa há mỏ, chồn đã nhảy chồm lên cắn cổ mà tha về tổ để ăn thịt.

Ôi! Mật ngọt chết ruồi! Hay ưa nịnh hót có khi hại đến thân.

*Giải nghĩa.

- Chồn = giống vật mõm dài và nhọn, tai to, đuôi dài, hay bắt gà và chim, ta thường gọi là cáo, nhưng không được đúng vì cáo thuộc về loài mèo. - Rối rít = chiu chít. - Gắt gỏng = rầy rà. - Gõ nhịp = đánh cái gì để cùng họa theo vào tiếng đàn, tiếng hát. - Nhắm tít = nhắm kín mắt lại, hai mi mắt như dính liền với nhau. - Mật ngọt chết ruồi = câu tục ngữ, nghĩa đen: con ruồi thấy mật ngọt, ham ăn mà chết; nghĩa bóng: người ta vì ưa lời nịnh mà hại đến thân.

Chơi Đùa Không Phải Là Vô Ích

Cứ đến giờ chơi, học trò ra cả ngoài sân, đứa thì chạy nhảy, đứa thì đánh quay (đánh vù), chơi đùa ầm ĩ, thật vui vẻ. Duy có cậu Tí cứ cầm quyển sách đọc, không chịu chơi.

Thầy giáo thấy thế đã nhiều lần, một hôm gọi cậu Tí lại hỏi. Cậu ấy thưa rằng: “Thưa thầy, con tưởng đã đi học, thì chỉ chăm lo học hành, chơi đùa làm gì cho phí thời giờ”. Thầy nói: “Cũng khá khen cho con là đứa chăm học. Nhưng miễn là đừng lười biếng thì thôi, chứ chơi đùa chạy nhảy, cũng không phải là vô ích. Nếu con mãi miết học cả ngày, không nghỉ một phút nào, thì trí khôn sinh quẩn, mà thân thể cũng mỏi mệt, học sao tinh tường được. Vậy phải có học và có chơi, thì sự học mới dễ dàng và chóng tấn tới.

*Giải nghĩa: Phí: uống. Mãi miết: quá chú tâm vào một việc gì. Miễn là: chỉ cốt là, quí hồ là. Quẩn: mệt mỏi và mất sáng suốt. Tinh tường: sáng tỏ.

Chỗ Quê Hương Đẹp Hơn Cả

Một người đi du lịch đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kể quen người thuộc, làng xóm láng giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi: “Ông đi du sơn du thủy, thế tất đã trông thấy nhiều cảnh đẹp. Vậy ông cho ở đâu là thú hơn cả?” Người du lịch đáp rằng: “Cảnh đẹp mắt tôi trông thấy đã nhiều, nhưng không đâu làm cho tôi cảm động, vui thú bằng lúc trở về chốn quê hương, trông thấy cái hàng rào, cái tường đất cũ kỹ của nhà cha mẹ tôi. Từ cái bụi tre ở xó vườn, cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gọi ra cho tôi những mối cảm tình chứa chan, kể không sao xiết được.”

*Giải nghĩa:

Du lịch: (du: chơi, lịch: trải) đi thăm chơi nhiều nơi. Du sơn du thủy: chơi chỗ núi, chỗ sông, ý nói đã xem nhiều phong cảnh đẹp. Thế tất: tất hẳn. Quê hương: làng quê, nơi mình sinh ra và lớn lên có nguồn gốc tổ tiên ở đấy. Khúc khuỷu: quanh co, gập gẩy, không thẳng một chiều. Chứa chan: đầy tràn, nhiều, bề bộn. Không sao xiết được: không sao hết được. Tiếng xiết quen dùng ngày xưa, nay ít phổ biến.

Người Say Rượu

Các anh hãy trông người kia đi ngoài đường. Mặt đỏ gay, mắt lơ lơ, quần áo xốc xếch, chân đi xiêu bên nọ, vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói lảm nhảm, chốc lại ngã chúi

một cái. Lũ trẻ đi theo sau, reo cười chế nhạo. Tỉnh thoảng anh lại đứng lại, nói những chuyện gì ở đâu đâu. Người qua lại, trông thấy cũng phải tránh xa.

Người ấy vừa ở hàng rượu ra. Chỉ tham mấy chén rượu mà thành ra say sưa, mất cả tư cách con người, có khi như là con vật vậy, thật là đáng khinh bỉ.

Hỡi các anh, các anh đã trông thấy người say rượu như thế, thì nên lấy đó làm gương mà giữ mình.

*Giải nghĩa.

- Xốc xếch = xệch-xạc = không được gọn gàng. - Tư cách = phẩm giá.

Người Nghiện Thuốc Phiện

Trông thấy Chánh Còm, ai cũng biết là người nghiện. Trước khi, thầy là người béo tốt phương phi, tinh nhanh khôn khéo, mà bây giờ thì mặt bủng da chì, xo vai rụt cổ, giọng nói khàn khàn, cái môi thâm sịt, nom người lẻo khoẻo như cò hương. Thầy mới ăn thuốc phiện mấy năm nay mà đã khác hẳn đi như vậy.

Thầy Chánh Còm từ khi đa mang thuốc xái đến bây giờ, thành ra lười biếng, chậm trễ. Sáng dậy, ít ra cũng phải mười lăm điếu mới mở mắt ra được, và cả ngày quanh quẩn cạnh bàn đèn, chỉ cái xe (thoe) cái lọ, ngoài ra không thiết đến việc gì nữa.

Xem thế mới biết thuốc phiện là một thứ thuốc độc rất hại. Nó hại sức khỏe, hại tinh thần. Nó làm mất thì giờ, mất tiền của, có khi mất cả phẩm giá con người nữa. Vậy ta chớ nên hút thuốc phiện.

*Giải nghĩa.

- Nghiện = nghiện, ghiền. - Phương phi = vạm vỡ, trông ra đáng. - Tinh nhanh = lanh lợi.
- Thâm sịt = đen sì. - Lẻo khoẻo = lỏng khỏng. - Cò hương = cò ma. - Đa mang = mang lấy,

mắc phải; đa mang thuốc xái = từ khi mang lấy bệnh nghiện. - Lười biếng = làm biếng. - Cái xe = cái dục tẩu. - Cái lọ = cái ống cái nôi.

Người Ta Phải Làm Việc

Người làm ruộng có trồng trọt cấy cày, thì ta mới có thóc gạo mà ăn. Thợ nề, thợ mộc có làm nhà, thì ta mới có nhà mà ở. Thợ dệt có dệt vải, thợ may có may áo, thì ta mới có đồ mặc vào mình. Quyển sách ta học cũng phải có người làm, người in. Cái đường ta đi cũng phải có người sửa, người quét. Nói tóm lại, nhất thiết một chút gì ta cần dùng đến, cũng là có người chịu khó làm việc mới nên.

*Giải nghĩa:

Trồng trọt: có nơi gọi là trồng trĩa hoặc trồng tĩa, tức là làm cho các loại cây hoa màu được mọc ra, lớn lên và có kết quả. Thóc: (tiếng quen dùng ở miền Bắc) lúa. Nhất thiết: bất cứ cái gì cũng phải như vậy.

Khuân Tảng Đá

Trời nhá nhem (chạng vạng) tối. Tôi thấy một ông già hì hục khuôn một tảng đá. Nhắc lên, để xuống đến bốn năm lần, mới đem được từ giữa đường đến chỗ bụi cây mà bỏ đấy. Tôi lấy làm lạ, chạy lại hỏi, thì ông cụ vừa thở vừa nói rằng: “Lão đi lữ vấp phải tảng đá này,

sầy cả chân, đau lắm. Nên lão khuôn bỏ vào đây, sợ cứ để đấy, lại có người vấp ngã nữa chăng.”

Tôi thấy nói, lấy làm nghĩ. Ông cụ già chịu nhọc mình một lúc, để đỡ cho người đi đêm trên con đường không vấp phải tảng đá, cũng là một việc làm phúc đáng khen vậy.

*Giải nghĩa:

Nhá nhem: (tiếng thường dùng ở miền Bắc) chạng vạng, còn gọi là tranh tối tranh sáng.
Hì hục: làm một việc gì một cách nặng nhọc. Lão: tôi, hay ta, tiếng của người già tự xưng.
Sầy: rách da. Đấy: (tiếng thường dùng ở miền Bắc) đó. Làm phúc: làm điều tốt lành cho kẻ khác.

Học Trò Biết Ơn Thầy

Ông Carnot xưa là một ông quan to nước Pháp, một hôm nhân lúc rảnh việc về chơi quê nhà. Khi ông đi ngang qua trường học ở làng, trông thấy ông thầy dạy mình lúc bé, bấy giờ đã đầu tóc bạc phơ, đang ngồi trong lớp dạy học. Ông ghé vào thăm trường và chạy ngay lại trước mặt thầy giáo, chào hỏi lễ phép mà rằng: “Tôi là Carnot, thầy còn nhớ tôi không?” Rồi ông ngoảnh lại khuyên bảo học trò rằng: “Ta bình sanh, nhất là ơn cha, ơn mẹ, sau ơn thầy ta đây, vì nhờ có thầy chịu khó dạy bảo, ta mới làm nên sự nghiệp ngày nay.”

*Giải nghĩa:

Rảnh việc: Không có việc phải làm, thong thả. Bình sanh: sống ở đời. Sự nghiệp: những gì đáng kể do mình xây dựng nên trong cuộc sống.

Đi Học Để Làm Gì?

Bác hỏi tôi đi học để làm gì. Tôi xin nói bác nghe.

Tôi đi học để biết đọc những thư từ người ta gửi cho tôi và viết những thư từ tôi gửi cho người ta. Tôi đi học để biết đọc sách, đọc nhật báo, thấy điều gì hay thì bắt chước.

Tôi đi học để biết tính toán, biết mọi sự vật và biết phép vệ sinh mà giữ thân thể cho khoẻ mạnh.

Nhưng tôi đi học cốt nhất là biết luân lý, cho hiểu cách ăn ở để thành người được người con hiếu thảo và người dân lương thiện.

*Giải nghĩa:

Hiếu thảo: biết cách ăn ở có đạo lú với cha mẹ. Lương thiện: hiền lành, tử tế.

Công Việc Nhà Nông

(Ca dao)

Tháng giêng là tháng ăn chơi,

Tháng hai trồng đậu, trồng khoai, trồng cà.

Tháng ba thì đầu đã già,

Ta đi ta hái về nhà phơi khô.

Tháng tư đi tậu trâu bò,

Để ta sắp sửa làm mùa tháng năm.

Sáng ngày, đem lúa ra ngâm,

Bao giờ mọc mầm, ta sẽ vớt ra.

Gánh đi ta ném ruộng ta,

Đến khi lên mạ, thì ta nhổ về.

Sẵn tiền mượn kẻ cấy thuê,
Cấy xong rồi mới trở về nghỉ ngơi.

*Giải nghĩa.

- Tậu = mua cái gì để làm của riêng của mình, như tậu nhà, ruộng, v.v.... - Ngâm = để lâu dưới nước. - Mầm = mộng.

Công Việc Nhà Nông (tiếp)

(Ca dao)

Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,
Nước ruộng vơi mười, còn độ một hai.
Ruộng cao đóng một gàu giai,
Ruộng thấp thì phải đóng hai gàu sòng.
Chờ cho lúa có đòng đòng,
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.
Bao giờ cho đến tháng mười,
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.
Gặt hái ta đem về nhà,
Phơi khô, quạt sạch, ấy là xong công.

*Giải nghĩa.

- Voi = lưng = không đầy, kém đi, cạn đi. - Gàu giai = một thứ gàu có dây, phải hai người cầm mà tát nước. - Gàu sòng = một thứ gàu buộc vào ba cái cọc, một người tát. - Đòng đòng = hoa lúc còn non, chưa ra khỏi cái màng bọc ở ngoài.

Làm Con Phải Cho Dễ Dạy

Làm con mà biết yêu mến cha mẹ, ân cần đến cha mẹ thì cha mẹ cũng đã vui lòng lắm rồi. Nhưng muốn cho cha mẹ được vui lòng hơn nữa, thì con phải vâng lời dạy bảo. ý mình muốn làm gì, mà cha mẹ bảo đừng, mình cũng phải thôi; ý mình không muốn làm, mà cha mẹ bảo làm, mình cũng phải làm. ta phải biết rằng cha mẹ ngăn cấm điều gì cũng là muốn cho mình được hay. vậy mình vâng lời cha mẹ, tức là ích lợi cho mình. Cũng ví như ông thầy thuốc bắt người ốm phải kiêng nhịn vật gì, là để chữa cho người ấy mau khỏi.

Những con nhà không chịu nghe lời cha mẹ thường hay hại đến thân. Ca dao ta có câu:

Cá không ăn muối cá ươn,

Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

*Giải nghĩa.

- Ân cần = săn sóc đến luôn. - Ươn = nặng mùi.

Có Học Phải Có Hạnh

Sài Thế Viễn, thuở bé đi học, không chuộng nghề văn chương mấy, chỉ chuyên chú về đường tâm tính tức là khoa tu thân luân lý vậy. Có người thấy thế, bảo ông rằng: "Đi học cốt là để cầu cho được văn hay chữ tốt, thi đỗ làm quan, chớ tâm tính học tướng không cần gì cho lắm". Ông Sài Thế Viễn đáp: "Học hành ai cũng muốn cầu cho giỏi, nhưng học giỏi mà lại giữ được phẩm hạnh mới thật là đáng quý. Chớ học mà không có hạnh cũng chẳng làm gì. Phẩm hạnh tức là danh giá của con người ở đời vậy."

Nhiều người nghe nói, cười ông Sài Thế Viễn là vu khoát.

Sau, ông thi đỗ tiến sĩ, làm quan đến bậc thượng thư, nổi tiếng là một người có phẩm hạnh.

*Giải nghĩa.

- Chuyên chú = để cả tâm chí nghĩ vào một việc gì. - Tâm tính = đây tức là nết ăn ở của người ta. - Tu thân = sửa mình. - Hạnh = cách ăn ở tử tế. - Vu khoát = viễn vông, không thiết với sự thật.

Chớ Nên Ham Mê Cờ Bạc

Tính ham mê cờ bạc là một tính rất xấu, nó làm cho người ta phải nhiều sự thiệt hại và mất cả phẩm giá. Ai đã mắc phải tính xấu ấy thì chẳng mấy người tránh khỏi sự nghèo khổ túng bần, rồi sinh ra gian lận điêu đảo, vì cờ bạc là một cách ăn chơi tổn hại nhiều tiền. Họa là mới có khi được, mà được thì xa phí hết ngay, còn khi thua thì nhiều, mà thua mãi thì thành ra công nợ, có khi đến nỗi vong gia thất thổ, phải đi ăn mày ăn xin, ăn trộm ăn cắp, làm những điều hèn hạ xấu xa. Đã cờ bạc thì còn danh giá gì! Dầu ông gì bà gì, mà đã ngồi vào đám bạc, thì cũng thành ra đê tiện. Ai cũng gọi là con bạc, đồ cờ bạc.

Bởi thế cho nên các anh phải giữ gìn, đừng bắt chước những phường cờ bạc, đừng có tập nhiễm lấy cái thói xấu ấy.

* Giải nghĩa.

- Gian lận = giả dối để lừa đảo người ta. - Điêu đảo = gian dối, lật lọng. - Họa là = may. - Xa phí = chi tiêu hoang toàng vô ích. - Vong gia thất thổ = mất nhà mất ruộng. - Hèn hạ = đê tiện. - Con bạc = bợm bạc. - Tập nhiễm = tập quen, không bỏ được.

Kính (Gương) Đeo Mắt

Có một bác nhà quê dốt nát, thấy một ông cụ già hể khi đọc sách, thì lại đeo kính vào mắt. Bác tưởng rằng đeo kính thì đọc được sách. Một hôm, bác ra tỉnh, vào ngay một hiệu để mua kính.

Bác giở một quyển sách ra, cầm trước mắt để thử kính (gương). Bác thử luôn đến năm bảy thứ kính, mà thứ nào bác cũng chê rằng xấu, không thể xem được sách. Nhà hàng lấy làm lạ, hỏi rằng: "Vậy ông có biết đọc không đã?" Người nhà quê gất lên, trả lời rằng: "Ô hay! Nếu tôi mà biết đọc, thì hà tất tôi phải đến đây mua kính của bác." Nhà hàng phì cười, bảo rằng: "Đây tôi không có thứ kính nào đọc được sách cả. Ông muốn xem được sách, xin hãy về học quốc ngữ cho thông đã."

*Giải nghĩa.

- Nhà hàng = chỉ người bán kính. - Ô hay = hay chưa. - Hà tất = sao cần phải. - Thông = suốt, đây là nói học cho giỏi đã.

Truyện Người Thừa Cung

Thừa Cung nhà nghèo mồ côi cha từ lúc hãy còn nhỏ. Khi mới lên tám, làm nghề chăn lợn (heo) để nuôi thân. Trong làng có ông Từ Tử Thịnh mở trảng dạy học, học trò xa gần đến học đông lắm. Thừa Cung mỗi khi chăn lợn qua trảng, thấy tiếng giảng sách, thì dừng lại nghe, trong lòng lấy làm vui lắm, muốn đi học. Sau anh ta xin đến ở nhà học để dọn dẹp,

quét tước. Từ Từ Thịnh thấy Thừa Cung mặt mũi khôi ngô, thuận cho ở. Lúc rãnh việc, anh ta chỉ chăm chăm chú chú học hành. Được vài ba năm Thừa Cung thành một người học trò giỏi, có tiếng thời bấy giờ.

Nghèo mà chịu học như vậy, chẳng đáng khen lắm ru!

*Giải nghĩa:

Lợn (tiếng quen dùng miền Bắc) heo. Nuôi thân: kiếm cái ăn nuôi sống bản thân mình. Tràng (tiếng xưa) trường. Khôi ngô: sáng sủa, có vẻ thông minh. Rãnh việc: không có việc. Lắm ru!: (tiếng xưa) làm sao!

Chữ Nho

Thời nội thuộc nước Tàu, có mấy ông thái thú Tàu sang cai trị nước ta, mở trường học và khuyến khích việc học chữ nho.

Đến khi nước Việt Nam đã lấy lại quyền tự chủ rồi, thì chữ ấy vẫn dùng để viết công văn như chỉ dụ, chế, sắc nhà vua, tờ sớ, tờ bẩm của các quan, luật lệ, đơn tờ và cả những giấy má việc tư nữa, như thư tín, kế ước, chúc thư, văn tế; chữ ấy vẫn dạy trong các trường học và dùng trong việc thi cử, còn tiếng ta thì không dùng đến. Chữ ấy các nhà văn sĩ ta phần nhiều cũng dùng để làm thơ văn, sách vở nữa.

Chữ nho ở bên nước ta không đọc như người Tàu đọc, lại đọc một cách riêng của ta và đã có lắm chữ thành hẳn tiếng ta rồi. Bởi vậy ta nay cũng phải học và biết ít nhiều để nói tiếng ta và viết văn ta cho thông.

* Giải nghĩa:

Chữ nho: chữ của người Trung Hoa được phổ biến ở nước ta và đọc theo lối riêng của ta, và còn gọi là chữ Hán vì được truyền chính thức từ đời nhà Hán sang cai trị nước ta. Nội

thuộc nước Tàu: bị nước Tàu đô hộ. Khuyến khích: khuyên nhủ, thúc giục. Công văn: giấy tờ có tính cách chung, tức của triều đình. Chỉ dụ: mệnh lệnh nhà vua ban ra. Chế, sắc: những gì vua viết ra để phong thưởng tước phẩm cho các quan. Tờ sức: tờ tập hợp, kêu gọi. Thư tín: gọi chung các thư gửi. Khế ước: giấy giao kèo của hai bên. Chúc thư: lời người chết dặn lại. Văn tế: văn đọc trước quan tài hay năm mồ người chết. Nhà văn sĩ: người dùng lời văn để viết các loại sách truyện. Ngày nay ta gọi là nhà văn, không có tiếng sĩ ở sau (nếu đã có tiếng “nhà”).

Không Nên Hành Hạ Loài Vật

Một con bò kéo một cái xe chở hàng hóa rất nặng. Xe lên dốc, con bò cố sức kéo mãi, nhưng cái xe cũng không xô xích được chút nào. Người phu xe vội vàng nhảy xuống, lấy tay vỗ về con bò, rồi mồm thì nói năng dịu dàng như thúc giục, tay thì bắt vào bánh xe, cố đẩy cho xe đi. Một lát, xe lên khỏi dốc, người phu xe để cho con bò đứng nghỉ, và lại đến bên cạnh vuốt ve, ra dáng thương yêu lắm.

Người phu xe ân cần tử tế với con bò như vậy, thật là đáng làm gương cho những quân độc ác, hung tợn, cứ hay đánh đập loài vật rất thậm tệ. Loài vật không phải là vô tri vô giác, mà lại giúp ta được công kia việc nọ, ta nên trông nom, săn sóc, chớ có hành hạ đánh đập nó.

*Giải nghĩa.

- Cố = ráng. - Xô xích = chuyển đi, nhích lại. - Thúc giục = bảo làm việc gì cho mau lên. - Bắt = để tay vào quay bánh xe. - Vô tri vô giác = không biết, không cảm gì cả. - Hành hạ = làm khổ sở.

Không Nên Phá Tổ Chim

Thằng Sửu thấy ở trên cành cây có một tổ chim chích chòe, ba con chim mới nở, thì lấy làm mừng lắm. Nó trèo lên, bắt xuống, để chơi.

Chị nó trông thấy, ngăn lại mà bảo nó rằng: "Em ơi! Chớ nên bắt! Chim nó đang sung sướng thế mà em bắt nó, thì nó cực khổ biết là dường nào! Em thử nghĩ chốc nữa, mẹ nó tha mời về, mà không thấy con, thì đau đớn thế nào. Và những con chim con ấy mà em bắt về, thì dẫu em chăm chút nó thế nào, nếu nó không chết, thì cũng chẳng sao bằng mẹ nó săn sóc, nuôi nấng nó được. Thôi em ơi! Em đừng làm khổ nó vô ích, đem về trả mẹ nó. Sau nó lớn lên, nó bay, nó lượn, đẹp mắt em, nó kêu, nó hót, vui tai em, nó ăn sâu, ăn bọ thì hoa quả thóc lúa của nhà ta và của thiên hạ được đỡ hại."

Sửu nghe chị nói, lại đem cái tổ chim lên để vào chỗ cũ.

*Giải nghĩa.

- Tổ = ổ. - Chăm chút = săn sóc. - Lượn = bay đi bay lại nhiều lần. - Thiên hạ = cả mọi người.

Ông Vua Có Lòng Thương Dân

Vua Thánh Tôn nhà Lý là một ông vua nhân từ, có lòng thương dân. Một năm, trời rét lắm, vua nghĩ đến những người tù phạm phải giam ở trong ngục, bèn bảo các quan rằng: "Trẫm ở trong cung, ăn mặc như thế này mà còn rét. Những kẻ nghèo khó, những tù nhân phải trời buộc, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc, thì khổ sở đến đâu?" Nói rồi truyền lấy chăn, chiếu phát cho tù. Lại có một hôm, đang buổi chiều, có công chúa đứng hầu

bên cạnh, vua chỉ vào công chúa mà bảo các quan rằng: “Lòng trăm yêu dân cũng như yêu con trăm vậy. Vậy từ nay về sau, tội gì cũng giảm bớt đi”.

*Giải nghĩa:

Nhân từ: có lòng thương người. Tù phạm: người có tội lỗi bị nhốt giữ. Trẫm: tiếng nhà vua tự xưng. Cung: nơi vua ở. Chăn: (tiếng quen dùng ở miền Bắc) mền. Buổi chiều: buổi tập hợp các quan ở chốn triều đình tâu báo các việc cho vua và nghe vua ra lệnh.

Đường Xe Lửa Chạy Suốt Xứ Đông Dương

Ở xứ Đông Dương, người Pháp đã đặt ra nhiều đường xe lửa để chở hành khách và hàng hóa cho chóng, hiện nay những đường ấy đã qua những nơi giàu có và nông dân ở rồi.

Trong các đường xe lửa ấy, con đường quan trọng nhất là đường chạy suốt cõi Đông Dương, khi nào làm xong thì các nơi, từ biên thùy nước Tàu cho đến biên thùy nước Xiêm, có thể giao thông với nhau được. Hiện nay đã làm xong được hai đoạn rồi: một đoạn về Bắc từ Na Sầm đến cửa Hàn, một đoạn về Nam từ Nha Trang đến Sài Gòn. Nhưng đợi đến khi cả đường làm xong thì có ô-tô chở hành khách từ Nha Trang ra cửa Hàn và từ Sài Gòn sang Xiêm, thành thử từ Bắc vào Nam chẳng mất mấy nổi thì giờ, đi thẳng một mạch có hai ngày rưỡi mà thôi.

*Giải nghĩa:

Chóng: (tiếng quen dùng ở miền Bắc) mau, gấp. Biên thùy: chỗ giáp ranh giữa hai nước. Xiêm: trước đây còn gọi là Xiêm La, nay gọi là Thái Lan. Ô-tô: đọc từ tiếng Pháp (auto), xe hơi. Thành thử: cho nên. Mấy nổi: không nhiều.

Ăn Chơi Và Buôn Bán Quanh Năm

(Ca dao)

Bài học thuộc lòng

Tháng giêng ăn tết ở nhà,
Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè.
Tháng tư đong đậu nấu chè,
Ăn tết Đoan ngọ trở về tháng năm.
Tháng sáu buôn nhãn bán trăm,
Tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân.
Tháng tám chơi đèn kéo quân,
Trở về tháng chín chung chân buôn hồng.
Tháng mười buôn thóc, bán bông,
Tháng một, tháng chạp nên công hoàn toàn.

*Giải nghĩa.

- Quanh = suốt. - Đoan ngọ = tết mừng năm tháng năm. - Bán trăm = buộc thành bó từng trăm một mà bán. - Xá tội vong nhân = xá tội là tha tội; vong nhân là người đã chết rồi. Tục ta tin rằng người ta chết, ai có tội phải giam ở dưới địa ngục, đến ngày rằm tháng bảy thì được tha một hôm. - Chung chân = cũng như chung lưng, nghĩa là góp tiền mà buôn chung với nhau.

Thơ Cái Nón

(Thơ cổ)

Bài học thuộc lòng

Dáng tròn vành vạnh vốn không hư,
Che chở bao la khắp bốn bờ.
Khi để tưởng nên dù với tán,
Nên ra thì nhạt (lạt) nắng cùng mưa.
Che đầu bao quản lòng tư túi,
Giúp chúa nào quên nghĩa sớm trưa.
Vòi vọi ngồi trên ngôi thượng đỉnh,
Ai ai lớn nhỏ đội ơn nhờ.

*Đại ý.

Bài này tả cái nón, mà trong lại ngụ ý nói một bậc bề trên có độ lượng bao dung che chở cho nhân dân, cũng như cái nón che mưa, che nắng cho mọi người vậy.

* Giải nghĩa.

- Vốn không hư = không dùng làm việc gì đê hạ. - Khi để = khi đội lên đầu. - Bao quản = ý nói ai đội cũng được, không riêng tư với ai cả. - Thượng đỉnh = thượng: trên; đỉnh: chỏm đầu, nói cái nón đội trên đầu.

Người Đi Đường Với Con Chó

Một người cưỡi ngựa đi đến đầu làng kia, có con chó đang ngủ giữa đường, bỗng giật mình thức dậy, đuổi theo con ngựa, sủa cắn mãi, làm cho con ngựa sợ, chạy lồng lên. Người cưỡi ngựa tức giận vô cùng, muốn giết ngay con chó, mới bảo rằng: "Tao mà có súng, thì cho mày một phát là hết cắn. Nhưng mà được, tao đã có cách làm cho mày chết." Nói xong,

người kia chạy đến giữa làng, kêu to lên rằng: "Chó dại! Chó dại!" Những người xung quanh đấy, nghe tiếng kêu chó dại, liền vác gậy, vác xẻng ra đuổi đánh chết con chó.

Góms thay cho lời nói của người ta, có khi giết hại được hơn là đồ binh khí!

*Giải nghĩa.

- Lồng = chạy vòng lên. - Phát = mỗi lần bắn một viên đạn. - Cẩn = sửa. - Binh khí = gươm giáo, súng ống.

Không Nên Báo Thù

Một hôm, một người hào phú có chuyện lôi thôi với một người thợ. Đang cơn tức giận, người hào phú lấy hòn đá ném người thợ. Người thợ nhặt hòn đá cất đi một chỗ, nghĩ bụng rằng: "Thế nào cũng có lúc tao lấy hòn đá ném được vào đầu mày".

Cách ít lâu, người hào phú chẳng may cửa nhà sa sút, cửa sạch không, phải đi ăn xin.

Một hôm, người thợ trông thấy người ấy ăn mặc rách rưới, đi qua trước cửa, vội vàng chạy đi lấy hòn đá, định để ném lại. Nhưng khi tay đã cầm hòn đá, anh ta lại nghĩ rằng: "Người ấy lúc còn giàu sang mà ta báo thù thì là dại, bây giờ người ấy khổ sở mà ta báo thù thì là hèn. Thôi, ta không nên báo thù." Rồi quẳng hòn đá xuống ao.

* Giải nghĩa.

- Hào phú = người giàu có và có thần thế. - Nhặt = lượm. - Sa sút = suy kém. - Dại = đây là có ý nói lúc người hào phú có của, có thế, mà mình báo thù thì tất nó hại được mình.

Các Khoa Thi

Ngày xưa, học trò học chữ nho đi thi để có chân khoa mục và ra làm quan. Thi có hai khoa: thi hương và thi hội.

Những người đậu thi hương chia ra làm hai hạng: một là hương cống sau gọi là cử nhân, hai là sinh đồ sau gọi là tú tài. Còn người đậu thi hội thì có ba hạng, gọi là tiến sĩ (nhà Trần gọi là thái học sinh). Vua Lê Thái Tôn muốn cho việc thi cử thêm bề trọng thể, mới lập ra lệ xướng danh và vinh quy. Ngài lại sai khắc tên những người đậu tiến sĩ vào bia đá. Những bia đá ấy nay còn dựng ở nhà văn miếu ở Hà Nội và Huế.

* Giải nghĩa:

Khoa mục: thi đậu, được vua ban cho bằng sắc. Thi hương: khoa thi mở ở các địa phương lớn để tuyển Tú tài và Cử nhân. Thi hội: khoa thi mở ở kinh đô để tuyển tiến sĩ. Hương cống, cử nhân: người thi hương đậu từ số 50 trở lên. Sinh đồ, tú tài: người thi hương đậu từ số 50 trở xuống. Trọng thể: có bề thế lớn được người nể vì. Vinh quy: về làng sau khi thi đậu được đón rước linh đình.

Người Đi Buôn Thật Thà

Anh Thương, từ khi đậu được bằng Việt Nam sơ học rồi không học nữa ở nhà coi hàng giúp mẹ. Sau đi làm công cho một cửa hàng to để học nghề buôn bán, khi đã sành nghề rồi, anh ta mới về mở một cửa hàng buôn bán tạp hoá.

Anh ta đi buôn, biết lấy điều cẩn thận, thật thà làm đầu. Tuy thấy hàng hoá bán chạy, có nhiều người đến mua nhưng không bao giờ anh ta giở trò gian ngoa để tham lấy nhiều lợi. Các bạn hàng thấy vậy, ai cũng tin bụng thật thà của anh Thương, mà đến mua rất đông. Bởi vậy cái cửa hàng của anh ta phát đạt và thịnh vượng lắm.

* Giải nghĩa:

Bằng Việt Nam sơ học: bằng của những học trò học hết bậc sơ đẳng ra thi và đủ điểm để được cấp phát. Bậc sơ đẳng, ngày xưa, là bậc tiểu học bây giờ. Thời Pháp thuộc, học xong sơ đẳng, nhiều người đã lớn tuổi. Tọa hoá: hàng nhiều loại. Gian ngoa: có hành động hoặc lời nói không thật để lừa người mà thu lợi cho mình. Phát đạt: tiến triển tốt, càng ngày càng thu lợi nhiều.

Một Người Anh Tốt

Ông Thôi Lượng ngày xưa là người rất hiếu đễ, cha mẹ mất sớm, ông phải trông nom nuôi nấng các em. Nhà nghèo, ông phải đi viết mướn để kiếm ăn. Bấy giờ có ông Lý Sùng đang làm quan to, có quyền thế, nhiều người đến làm tôi tớ, để mong danh lợi. Người anh họ ông Thôi Lượng tên là Quang cũng đi theo Lý Sùng.

Một hôm, Quang đến báo ông Thôi Lượng rằng: "Tôi gì mà cứ viết thuê mãi, đi theo Lý Sùng thì được sung sướng. Vả nhà ông ấy lại có nhiều sách, đến đây tha hồ mà xem." Ông đáp lại rằng: "Tôi sung sướng lấy một mình, mà để các em tôi ở nhà phải đói rét thì sao cho đành. Thà rằng cứ chịu nghèo đói, mà anh em sum họp với nhau còn hơn." Nhất định ông không chịu đi, cứ ngày ngày ra chợ viết thuê để lấy tiền về nuôi em.

*Giải nghĩa.

- Hiếu đễ = hiếu là lòng thảo ở với cha mẹ; đễ là lòng tử tế với anh em. - Nuôi nấng = săn sóc. - Danh lợi = cũng như là công danh phú quý. - Tha hồ = muốn bao nhiêu cũng có, mặc sức. - Đói rét = đói lạnh.

Đạo Bằng Hữu Phái Cho Có Thủy Chung

Ngày xưa ông Dương Tiêu Sơn là bậc trung thần, thấy người Nghiêm Tung chuyên quyền làm bậy, ông bèn dâng sớ hạch tội, bị Nghiêm Tung bắt bỏ ngục. Các quan đều sợ hãi, không ai dám vào thăm. Chỉ có ông Từ Tử Dữ ngày ngày đem cho cơm rượu, Dương Tiêu Sơn bảo Từ Tử Dữ rằng: "Anh chớ hay lại thăm tôi, e rồi lại liên lụy." Từ Tử Dữ nói rằng: "Bạn hữu với nhau, chỉ quý về lúc này mà thôi. Đạo luân lý của ta cốt trọng về lòng trung nghĩa, mà bây giờ anh bị kẻ gian thần ức hiếp, lẽ nào tôi lại bỏ anh hay sao? Anh cứ để tôi đi lại thăm anh, dầu có làm sao nữa, thì tôi cũng chẳng thiết gì quan chức đâu, xin anh đừng ngại!"

Đáng khen thay ông Từ Tử Dữ biết quên mình mà giữ cho trọn đạo bằng hữu!

* Giải nghĩa.

- Hạch tội = bẻ tội, bắt tội. - Liên lụy = lây vạ đến mình. - Bằng hữu = bè bạn.

Lính Thú Đòi Xưa (Lúc ra đi)

Ca dao

Bài học thuộc lòng

Ngang lưng thì thắt bao vàng,

Đầu đội nón dẫu, vai mang súng dài.

Một tay thì cắp hỏa mai,

Một tay cắp giáo, quan sai xuống thuyền.

Thùng thùng trống đánh ngũ liên,
Bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa.

*Giải nghĩa.

- Lính thú = lính đi đóng đồn trên mạn ngược. - Bao vàng = bao bằng vải vàng của lính ngày trước đeo. - Nón dẫu = nón chóp đỏ của lính đội ngày xưa. - Hỏa mai = ngòi súng. Đòi xưa bắn súng nạp tiền phải châm ngòi mới bắn được. - Thuyền = ghe. - Ngũ liên = trống đánh từng hồi năm tiếng một, để thúc giục người ta đi cho mau.

Lính Thú Đồi Xưa (Lúc đóng đồn)

Ca dao

Bài học thuộc lòng

Ba năm trấn thủ lưu đồn,
Ngày thì canh điểm, tối dồn việc quan.
Chém tre, dẫn gỗ trên ngàn,
Hữu thân hữu khổ, phàn nàn cùng ai.
Miệng ăn măng trúc, măng mai,
Những dang cùng nứa, lấy ai bạn cùng.
Nước giếng trong, con cá nó vấy vùng.

*Giải nghĩa.

- Lưu đồn = nơi lính đóng để phòng bị giặc cướp. - Chém = đốn. - dẫn = chặt. - Hữu thân hữu khổ = có thân là có khổ, nghĩa là đã làm người, thì ai cũng phải chịu khổ. - Dang = một thứ nứa dài dẹt, người ta dùng làm lạt buộc. - Nước giếng trong, con cá nó vấy vùng = người đi thú than thân mình không được thanh thoi như con cá ở giếng.

Không Tham Của Người

Ông Nguyễn Đình Thán người huyện Châu Lộc, tỉnh Nghệ An, tính rất thuần hậu, không bao giờ tham lam mà lấy của ai một tí gì.

Ông có mua một cái nhà cũ, định sửa sang lại để ở. Khi người cháu đào viên đá tảng, thấy dưới viên đá có hai hũ đựng mười lạng bạc, mới đem vào trình ông. Ông nói: "Đây là của người chủ cũ, không phải là của ta, chớ nên lấy. Nếu lấy là lấy của phi nghĩa. ta nên để trả người ta".

Nói rồi, ông sai đem cất đi cẩn thận. Sau quả nhiên, người chủ cũ đến xin lấy của ấy, ông gọi người nhà đem ra trả ngay. Người kia cảm phục cái bụng của ông, xin chia đôi để biếu ông một nửa. Ông nhất định không lấy.

Người đời bấy giờ ai cũng khen ông là một bậc quân tử đáng tôn kính vậy.

*Giải nghĩa.

- Đá tảng = một khối đá to. - Phi nghĩa = trái với lẽ phải. Quân tử = người có tư cách, có độ lượng hơn người thường.

Không Vì Tiền Mà Làm Điều Phi Nghĩa

Ông Mã Duy Hàn là một ông quan đời trước, có tiếng là người thanh liêm, chính trực.

Thuở ông còn hàn vi làm học trò, đến ở trọ một nhà giàu kia. Nhà ấy có thù hằn với một nhà khác, định bày mưu để vu tội cho người ta, mới đem một trăm nén vàng cho ông, bảo ông đứng ra làm việc ấy. Ông nhất định không chịu, mà bảo rằng: "Xưa nay tôi học những gì, mà bây giờ tôi lại tham của hại người như thế?" Nói đoạn, ông nghĩ bụng rằng: nhà này cậy có tiền của, toan làm những điều gian ác, không phải là nhà ta ở được, bèn dọn đi tìm nhà khác ở.

Người ta nên bắt chước như ông Mã Duy Hàn, không bao giờ nên để cho lòng tham tài lợi khiến được mình làm điều phi nghĩa.

*Giải nghĩa.

- Hàn vi = đói nghèo. - Vu tội = bày tội ra mà đổ oan cho người ta. - Tài lợi = của cải.

Quả Bứa

Năm và Sáu cùng đan tay đi với nhau. Chợt đâu bắt được một quả bứa ở giữa đường. Hai cậu tranh nhau mãi. Năm thì rằng: "Quả bứa ấy của tao, vì mắt tao trông thấy trước." Sáu thì rằng: "Của tao, vì tay tao nhặt lên được." Hai cậu to tiếng cãi nhau, giơ chân, giơ tay, chực sinh sự đánh nhau. Ngay lúc ấy có cậu Cả vừa đi qua, hai cậu vội mời lại để nhờ phân xử hộ.

Cậu Cả nghe đầu đuôi, cầm ngay lấy quả bứa, bảo hai cậu đứng sang hai bên. Đoạn, cậu móc túi, lấy con dao con, bổ (cắt) quả bứa ra làm đôi, rồi làm bộ nghiêm trang mà nói rằng: "Năm, mày trông thấy quả bứa trước, mày lấy nửa vỏ này. Sáu, mày nhặt được quả bứa lên, mày lấy nửa vỏ này. Còn những múi bứa đây là phần tao cả, vì tao đã mất công khó nhọc phân xử việc này cho chúng bay."

Nói xong, cậu Cả bỏ bứa vào miệng rồi vừa đi vừa cười. Còn Năm và Sáu thì đứng trơ mắt ra đó.

*Giải nghĩa.

- Bất = xí. Quả = trái. - Nhật = lượm. - Nhau = lộn. - Đoạn = xong rồi. - Nghiêm trang = ra dáng đứng đắn oai vệ lắm.

Bảo Cử Là Gì?

Sáng hôm chủ nhật, cậu Sửu nghe thấy nói có quan về tại đình làng và nhân dân nhộn nhịp rủ nhau đi bảo cử. Sửu không hiểu bảo cử là gì, mới hỏi anh, thì anh giảng rằng:

"Làng ta hiện khuyết lý trưởng, vì người lý trưởng trước là ông Phú mới xin từ dịch. Nên quan về chủ trương để cho dân kén chọn một người ra thay. Dân sự kén chọn lấy người thay mặt để ra làm việc quan như vậy gọi là bảo cử."

Sử lại tò mò hỏi: "Vậy bảo cử thì người ta làm thế nào?" Anh đáp: "Ai được đi bầu và muốn bầu cho ai, thì viết sẵn tên người ấy vào một mảnh giấy, gấp lại để bỏ vào trong một cái thùng trước mặt quan. Hễ ai được nhiều người bỏ vé bầu cho mình thì người ấy được làm lý trưởng. Ấy đại để cái cách bảo cử như thế. Tựu trung còn có nhiều điều khó hơn. Nhưng thôi, đợi bao giờ đến tuổi được đi bầu rồi em sẽ biết."

*Giải nghĩa.

- Nhộn nhịp = chộn rộn. Khuyết = thiếu, đây là không có người làm. - Từ dịch = thôi không làm việc nữa. - Chọn = lựa. - Tò = lẩn. - Làm thế nào = làm sao. - Vé = giấy. - Tựu trung = tựu: tới, trung: trong; ở trong việc ấy còn có việc khác nữa.

Con Hổ Và Con Chuột Nhắt (Lắt)

Một hôm, con chuột nhắt (lắt) chạy qua gần con hổ. Hổ thò chân ra bắt. Chuột van lạy rằng: "Trăm lạy ông, thân con bé bỏng, ông tha cho làm phúc". Hổ bảo rằng: "Ừ, mày bé thế này tao chẳng thèm ăn thịt. Thôi, ta tha cho." Chuột được tha, nói rằng: "Cám ơn ông, cái ơn tái tạo ấy, con không dám quên. Chắc ông ở hiền rồi lại gặp lành!"

Được ít lâu, hổ bị mắc vào lưới. Hổ gầm, nhảy hết sức cũng không thoát ra được, đành nằm ép một bề để đợi chết. May sao chuột nhắt ta đi qua đấy, trông thấy, chạy về gọi nhà chuột ra, cắn một lát đứt mắt lưới, hổ mới thoát được.

Xem như thế thì ở đời làm ơn không bao giờ thiệt, và nhiều khi những kẻ hèn mọn cũng có thể giúp được việc cho ta.

*Giải nghĩa.

- Tái tạo = tái là một lần nữa; tạo là dựng ra. Ý nói như đã chết rồi mà lại cho sống lại.

Con Rùa Và Con Chuột

Con chuột chạy nhung nhăng khắp nhà, gặp con rùa đang lịch kịch kéo cái mai, ra bộ nặng nề lắm. Chuột liền đến bên cạnh, quật đuôi, nhếch miệng, than thở hộ cho con rùa rằng: "Mày ở trong cái mai ấy khác gì như ở trong ngục tối. Khốn thay! Thế mà mày chịu được! Tao đây, cả một tòa lâu đài trang hoàng rực rỡ, trên, dưới, trong, ngoài tao chơi đâu cũng được." Rùa nghe nói, đáp rằng: "Nhà tôi ở bé nhỏ thật, nhưng là nhà của tôi; nhà bác ở cao rộng thật, nhưng là nhà của người. Nhà của mình mình ở, dầu bé nhỏ cũng còn hơn ở lâu đài của người ta.

Ta về ta tắm ao ta,

Dầu trong dầu đục, ao nhà đã quen.

*Giải nghĩa.

- Nhung nhăng = lung lảng. - Lịch kịch = ý nói đi ra dáng nặng nhọc lắm. - Ngục tối = chỗ giam những người có tội nặng. - Lâu đài = nhà sang trọng to lớn. - Trang hoàng = bày biện sang trọng. - Ta về ta tắm... = câu ca dao ý nói ta về ở nhà ta, dầu cho nghèo hèn thế nào cũng hơn ở chỗ khác.

Ông Chu Văn An

Ông Chu Văn An là người tỉnh Hà Đông bấy giờ, đỗ tiến sĩ về đời nhà Trần. Tính ông ngay thẳng và diêm đạm, không ham danh lợi, chỉ chăm làm cho tỏ đạo thánh hiền và trừ khử những mối dị đoan.

Ông thi đỗ rồi về mở trường dạy học, học trò rất đông, có người làm đến thượng thư, tế tướng, nhưng đối với ông phải giữ lễ học trò. Khi nào đến thăm thầy, vẫn phải đứng hầu. Trong bọn học trò, ai có điều gì không phải, dầu quyền quý thế nào cũng mặc, ông quát mắng đuổi ra.

Vua nghe ông là bậc đạo đức mô phạm, triệu vào kinh cho làm quan, để dạy thái tử. Sau ông thấy chính sự trong Triều suy đồi, bọn quyền thần lắm kẻ làm bậy, ông dâng sớ xin chém bảy người gian nịnh. Vua không nghe lời. Ông bèn xin từ chức không thiết gì đến công danh quyền lợi nữa.

Người trong nước ai cũng khen ông là bậc cao hiền. Khi mất, vua cho đem thờ trong Văn miếu, ngang hàng với bậc tiên nho.

*Giải nghĩa.

- Tiến sĩ = người thi đình đỗ. - Điềm đạm = yên tĩnh. - Dị đoan = mối lạ, những điều huyền hoặc. - Mô phạm = khuôn phép, có thể làm gương cho người ta bắt chước. - Tiên nho = những bậc hiền đời trước.

Một Người Khoan Hòa Và Thuần Hậu

Ông Trình Hiệu là một nhà hiền triết đời xưa. Ông tính khí cẩn thận, hồn hậu, không hay nói xấu ai bao giờ. Ở nơi công chúng, thấy ai chỉ nghị người nào, thì ông bênh người vắng mặt hoặc ông không bắt chuyện, chờ cho người ta nói xong, ông mới thủng thỉnh mà nói rằng: "Vị tất điều học đồn đã thật", rồi ông lại kể những điều hay của người bị chỉ nghị ra cho mọi người biết. Đối với người ngoài thì thế, mà đối với chính mình, thì không bao giờ ông giận ai hoặc trách ai điều gì. Có khi đang dự tiệc, bị có người chế nhạo, ai cũng lấy làm ngạc nhiên, nhưng ông cứ để mặc, không cãi điều gì cả. Sau mới nói rằng: "Người ấy say rượu, ta cãi làm gì!"

Ông khoan hòa thuần hậu như thế, cho nên ai cũng kính phục.

*Giải nghĩa.

- Công chúng = chỗ có cả nhiều người ngồi. - Chỉ nghị = chê bai, bài bác. - Bắt chuyện = tiếp chuyện, đáp lại. - Thủng thỉnh = thông thả, dễ dàng. - Chế nhạo = hủy báng.

Làm Ruộng Phải Mùa

(Ca dao)

(Bài học thuộc lòng)

Mùng tám tháng tư không mưa
Bỏ cả cày bừa mà lấp lúa đi
Bao giờ cho đến tháng mười
Lúa tốt bời bời nhà đủ người no.

*Giải nghĩa:

Mùng tám tháng tư: đây là nói ngày âm lịch, theo nề nếp canh tác ngày xưa, lúc lúa trở đòng đòng cần có mưa để phát triển. Lấp: lấy đất phủ lên, ở đây có ý nói bỏ đi. Tháng mười: tháng mà lúa chín, gặt đem về nhà. Bời bời: rất nhiều, bề bộn.

Công Việc Của Người Làm Ruộng

Ở nhà quê, quanh năm ngày tháng, ai cũng chăm về việc cày cấy. Sớm tối lo làm ăn, hết công nợ đến việc kia, không mấy khi được nhàn hạ. Khi hạt giống đã gieo xuống đất đêm ngày mong được nắng, được mưa, cho cây mạ mọc lên, đem ra cấy vào ruộng. Ruộng cấy xong, nhưng công việc đã xong đâu. Còn phải bón phân, nhổ cỏ. Lỡ khi trời nắng khô khan, phải tát nước vào ruộng cho cây lúa được mạnh mẽ, thì rồi bông lúa hạt thóc mới được tốt đẹp. Đến khi lúa chín, gặt về, đập ra, phơi khô. Bây giờ mới chắc được thóc gạo mà ăn. Nghề làm ruộng khó nhọc như thế, cho nên phải cần mẫn mới được.

*Giải nghĩa:

Quanh năm ngày tháng: suốt ngày, suốt tháng trong năm. Nhàn hạ: thong thả, không phải làm lụng, lo lắng gì. Cần mẫn: siêng năng, chu đáo.

Không Nên Khinh Những Nghề Lao Lực

Cậu Trác ra tỉnh lỵ học đã lâu ngày, nhân dịp Tết được nghỉ về nhà chơi. Cậu thấy anh đang chân đạp máy cửi, tay đưa thoi, ra dáng vất vả, thì cậu phàn nàn với mẹ rằng: "Con trông thấy anh con làm ăn mà thương. Con chẳng làm nghề ấy. Con cố học để ngày sau được làm quan, hiển vinh sung sướng."

Bà mẹ cười mà đáp rằng: "Con cố chí học hành để mai sau làm quan, mẹ cũng mừng. Nhưng con đừng vội khinh cái nghề của anh con. Anh con có dệt vải, thì bây giờ con mới có quần áo mặc mà đi học, ngày sau con mới có quần áo mặc mà ngồi công đường. Không cứ gì một nghề dệt vải, mà tất cả bao nhiêu nghề khác làm bằng chân tay, như cha con đi cày, người thợ rèn sắt, người gồng thuê gánh mướn, người phu kéo xe... đều là những nghề có ích cả, ta đều phải kính trọng cả mới phải. Con chớ nên cậy có chút học thức mà khinh những người làm ăn vất vả."

*Giải nghĩa.

- Lao lực = nói những nghề làm ăn phải dùng đến sức khỏe, khó nhọc đến thân thể. - Tỉnh lỵ = chỗ quan tỉnh đóng. - Cố chí = muốn làm một việc gì cho kỳ được. - Vất vả = cực khổ.

Cái Thú Nhà Quê Và Cái Thú Kẻ Chợ

Anh Minh và anh Ất là hai anh em con cô con cậu. Nhà anh Minh thì buôn bán ở tỉnh thành; cha mẹ anh Ất thì làm ruộng ở nhà quê.

Một hôm, Minh viết thư cho Ất rằng: "Em cố xin phép cha mẹ mà ra tỉnh chơi. Ra đây anh sẽ đem đi xem các dinh thự to lớn, lâu đài đẹp đẽ, sẽ đem đi chơi những nơi phong cảnh rực rỡ, ban đêm đèn máy thắp sáng như ban ngày, người đi lại đông như ngày hội."

Ất đáp lại rằng: "Đến độ nghỉ hè, anh có về nhà quê chơi thì ta sẽ đi xem người làm ruộng ngoài đồng, nơi thì trồng rau, nơi thì tát nước. Sáng dậy, ta đi câu cá rô, cá giếc, chiều về ta đi lấy ổi, lấy nhãn, hoặc ta ra chỗ rừng bên cạnh chùa, tha hồ cây to bóng mát, rộng rãi thành thơ."

*Giải nghĩa.

- Kẻ chợ = người dinh. - Dinh thự = nhà các quan to ở. - Lâu đài = nhà to đẹp đẽ. - Rực rỡ = đẹp đẽ, lộng lẫy. - Nghỉ hè = nghỉ bãi trảng.

Không Chơi Với Kẻ Ác

Cô Mào thờ thần ngòi chơi một mình ở trong vườn. Cô thấy con mèo lượn qua, cô gọi, cô vẫy lại. Mèo đến luẩn quẩn ở bên cạnh, cái đuôi ve vẩy như vui mừng, cái đầu ngẩng lên như chào hỏi, miệng thì kêu "meo meo" ra dáng bằng lòng lắm.

Cô Mào chơi với con mèo cũng lấy làm vui thích. Cô lấy tay vuốt ve nó, ôm nó để ngòi vào trong lòng. Nhưng được một chốc, cô nắm đuôi con mèo, kéo một cái thật mạnh. Mèo bị đau, giận quá, giơ ngay cái chân ra quào cô một cái, xước cả tay, rồi bỏ mà đi mất.

Cô Mào xuyết xoa, lại thờ thần ngòi một mình ở trong vườn. Thế mới biết người ác chẳng ai chơi với.

Yêu Mến Cha Mẹ

Sáng nay lúc tập viết xong, tôi lại thăm bà tôi.

Bà tôi nắm lấy tay tôi mà nói rằng:

- Cháu có yêu thầy mẹ cháu không?

- Cháu có yêu.

- Tại sao mà yêu?

- Cháu biết rồi hôm qua thầy giáo mới dạy rằng: cha mẹ sinh ra con, nuôi cho con lớn, lại chăm cho con học, vậy kẻ làm con phải biết yêu cha mẹ.

* Lời bàn:

Tình yêu cha mẹ và anh chị trong nhà là tình cảm khởi đầu cho tình yêu đồng bào, để từ đó mà biết yêu quê hương, đất nước và rộng hơn nữa là yêu nhân loại. Yêu cha mẹ là thể hiện lòng biết ơn để có một sự kế tục xứng đáng.

Kính Mến Ông Bà

Cha mẹ mình nuôi mình khó nhọc như thế nào, thì ông bà mình khi trước nuôi cha mẹ mình cũng khó nhọc như vậy. Vả lại lúc mình còn bé, chẳng phải cha mẹ phải nâng niu trông nom mình mà thôi, ông bà cũng nhiều khi vì mình mà khó nhọc.

Ông bà yêu cháu chẳng khác gì cha mẹ yêu con. Vậy mình làm cháu, nên phải kính mến ông bà, cũng như kính mến cha mẹ thì mới phải đạo.

* Giải nghĩa:

Vả lại (tiếng quen dùng ở miền Bắc): Thêm nữa.

Bé (tiếng quen dùng ở miền Bắc): Nhỏ.

Nâng niu: Võ vè, ôm ấp, cưng chiều, săn sóc với sự quý mến.

Phải đạo: Hợp với đạo lý ở trong cuộc sống.

Quốc Ngữ, Chữ Nước Ta

Tí: Anh đi đâu đấy?

Sửu: Tôi đi học đây.

Tí: Anh đi học từ bao giờ. Anh học cái gì?

Sửu: Tôi đi học đã vài tháng nay. Tôi học quốc ngữ.

Tí: Quốc ngữ là cái gì?

Sửu: Anh không biết quốc ngữ là chữ của nước ta ư? Học quốc ngữ thú lắm anh ạ. Mới có mấy tháng nay mà giấy má gì tôi đọc cũng chạy, và ai nói gì tôi cũng viết được.

Tí: Ồ thế à! Thế thì để tôi về nói với thầy mẹ tôi cũng cho tôi ra trường học.

* Giải nghĩa:

Quốc ngữ: Tiếng nói riêng của một quốc gia, như tiếng nói của người Việt Nam, gọi là tiếng Việt.

Chạy: Tiếng ở quê miền Bắc, Việt Nam, để chỉ sự thông thạo, rành.

Cố Alexandre De Rhodes Và Việc Đặt Ra Chữ Quốc Ngữ

Ngày xưa, ở nước ta, muốn viết tiếng ta, thì người ta dùng một lối chữ gọi là “chữ nôm” do chữ ở nho ra. Những chữ ấy khó đọc lắm.

Đến khi các ông cố đạo ở Châu Âu sang nước Việt Nam, các ông ấy mới lấy những chữ cái vần la tinh mà đặt ra chữ “quốc ngữ” tức là chữ ngày nay trong nước ta đã thông dụng.

Các ông cố người Pháp và nhất là cố Alexandre de Rhodes có công trong việc đặt ra lối chữ ấy lắm.

Cố Alexandre de Rhodes ở bên nước Việt Nam ngoại bảy năm. Ông có viết nhiều sách về nước Nam, nhất là quyển lịch sử đất Bắc Việt và một tự điển tiếng ta dịch ra tiếng la tinh và tiếng Bồ Đào Nha. Các sách của ông là những sách in đầu tiên bằng chữ quốc ngữ.

*Giải nghĩa:

Cố đạo: tiếng gọi những người chức sắc trong đạo Thiên chúa sang truyền đạo ở Việt Nam. La tinh: tiếng nói của người La Mã xưa, vốn là gốc của tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha v.v... Thông dụng: dùng rộng rãi trong nước. Tự điển: sách chép đầy đủ tiếng của một nước với sự giải nghĩa rõ ràng.

Một Tấm Lòng Từ Thiện

Bà phước Félicienne sang Việt Nam năm 1888, coi ở nhà thương Sóc Trăng, đến năm 1923 thì mất.

Trong ba mươi lăm năm trời, bà đem tấm lòng từ thiện mà yên ủi biết bao nhiêu người yếu đau khổ sở. bao giờ bà cũng tận tâm kiệt lực làm việc bốn phận, không nghĩ gì đến công lao khó nhọc. Kể già người yếu, trẻ mồ côi, người tàn tật, ai đã được bà trông nom cho, đều hàm ơn bà cả.

Sau, vì bà trông nom nuôi nấng những người có bệnh phong, cho nên bà mắc phải bệnh ấy mà chết. Bà đem bao nhiêu tâm trí vào việc làm phúc, quên cả tính mạng để cứu giúp kẻ khốn cùng.

* Giải nghĩa.

- Bà phước = đàn bà đi tu bên đạo Thiên chúa, làm phúc ở các nhà thương. - Từ thiện = có lòng thương yêu người. - Tận tâm kiệt lực = hết lòng hết sức. - Trông nom = săn sóc. - Phong = cùi.

Một Tấm Lòng Từ Thiện (tiếp)

Lễ cất đám bà Félicienne làm tại Sóc Trăng ngày hai mươi ba tháng tám năm 1923. Các thân hào Pháp Việt trong bản hạt, các đại biểu những tỉnh Nam Kỳ và cả những người đã chịu ơn bà trong bấy nhiêu năm, đều đi đưa đám rất đông.

Có một đội lính tập đi hộ tang. Đáng lẽ có một ông quan to thay mặt Nhà nước đọc bài diếu tang để kể công đức bà đã vì hết lòng giúp người mà chết. Song vì khi lâm chung bà có trối lại rằng lễ tống táng làm cho giản dị đơn sơ, nên lúc hạ huyệt không có bài diếu tang.

Tuy vậy, mà lễ cất đám bà rất là long trọng, vì người đi đưa thật đông mà ai ai cũng lấy làm cảm động và thương tiếc bà lắm.

* Giải nghĩa.

- Thân hào = những người giàu sang trong hạt. - Bản = bốn. - Đại biểu = người thay mặt. - Diếu tang = bài văn viếng. - Lâm chung = lúc hấp hối, sắp chết. - Hạ huyệt = để xuống hố.

Bó Đũa

Một ông lão làm ruộng, có bốn người con trai. Một hôm, ông gọi cả bốn người lại trước một cái bàn, trên để một bó đũa và một túi bạc. Ông bảo:

- Hễ đũa nào bẻ gãy được bó đũa này, thì ta cho túi bạc.

Bốn người con, mỗi người thử một lượt, không ai bẻ được. Ông già bèn cởi bó đũa ra, bẻ từng chiếc một, thì bẻ gãy như chơi. Các con nói rằng:

- Nếu bẻ từng cái một thì chẳng khó gì.

Người cha bảo rằng:

- Nay các con, như thế thì các con biết rằng: Muốn có sức mạnh thì phải hợp quần. Khi ta chết rồi, thì các con phải nhớ đến chuyện bó đũa này. Các con phải thương yêu nhau, đùm bọc lấy nhau, thì mới đủ thể lực mà đối với người ngoài.

Cối Giã Gạo

Gạo xay ra, phải giã cho trắng, thì mới ăn được. Giã gạo đã có thứ cối lớn bằng đá, chôn xuống đất. Trên có cái cần lớn và dài, bằng gỗ. Một đầu cần, thì có cái chày, gọi là mỏ, bỏ xuống vừa vào giữ lòng cối. Chia ba một phần cần, về đằng đầu kia, thì có cái trục suốt qua cái cần, và gối đầu vào hai súc gỗ và có lỗ đục sẵn. Hai bên có hai tấm ván, gọi là bàn cối.

Gạo đã đổ vào cối, một người đứng, hai tay nứu vào hai cái dây treo trên mái nhà. Một chân đứng lên bàn cối, một chân đạp vào cái cần mà giã xuống, thì đầu chày giơ lên. Khi nhấc chân lên, thì đầu chày rơi vào cối. Cứ giã như thế độ một chốc, gạo sát hạt nọ với hạt kia, gióc (tróc) hết vỏ mà trắng dần ra. Gạo giã xong, người ta đem giần: cám thì cho lợn ăn, tấm thì để nấu ăn cũng như cơm.

* Giải nghĩa:

Trục: còn gọi là cốt, mảnh gỗ chốt ngang một vật gì. Gióc: (tiếng quen dùng ở miền Bắc) tróc, bị lột lớp ngoài ra.

Kẻ Ở Người Đi

Cơm nước xong rồi, thầy mẹ tôi, anh em, chị em tôi, cả đến kẻ ăn người ở trong nhà, đều tiễn tôi ra tận bờ sông, chỗ thuyền đậu.

Vừa ra khỏi nhà, thì trong lòng tôi tự nhiên sinh ra buồn rầu vô cùng. Từ thuở bé đến giờ, chỉ quen vui thú ở nhà, nay tôi mới biết cái cảnh biệt ly là một! Chân bước đi, mắt còn ngoảnh lại: từ cái mái nhà, cái thềm nhà, cái lối đi, cho đến bụi cây, đám cỏ, cái gì cũng làm cho tôi quyến luyến khác thường!

Thuyền nhổ sào, ai nấy đều chúc cho tôi được thuận buồn xuôi gió, bình yên khỏe mạnh. Thuyền đi đã xa, mà tôi còn đứng nhìn trở lại, nhìn mãi cho đến lúc không trông thấy nhà nữa mới thôi. Ôi! Cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy!

* Giải nghĩa.

- Biệt ly = xa cách nhau. - Quyến luyến = yêu mến, vương vít trong lòng. - Nhổ sào = lôi sào cắm ở sông lên, để chở thuyền đi. - Trông = ngó.

Thư Từ

Viết thư cho ai tức là lấy chữ viết thay lời nói, tỏ ý với người ta, nghĩa là giải bày những tư tưởng, những tính tình của mình bằng chữ viết cho người ta biết.

Vậy thư viết cũng như chuyện nói, phải cho tự nhiên, nhưng đã cầm bút viết, thì lời lẽ ắt chải chuốt hơn và cẩn thận hơn là lời nói.

Thư viết lại cốt phải rõ ràng và giản dị, nghĩa là chữ dùng câu đặt, phải cho đâu ra đó, không mập mờ lằng lắt, không nhảm nhí lời thôi, chỉ diễn rõ tư tưởng là đủ, không cần gì phải văn hoa cho lắm.

Thư viết cho họ hàng bạn bè thì cốt phải tỏ lòng tử tế thân ái. Kẻ dưới viết cho người trên thì phải tỏ bụng tôn trọng cung kính, mà người trên đáp lại kẻ dưới thì phải có bụng yêu mến ân cần. Còn thư về việc buôn bán thì phải khúc chiết.

* Giải nghĩa.

- Thư = thơ. - Tư tưởng = những điều nghĩ ngợi trong bụng. - Chải chuốt = trôn tru, không lời thôi ngúc ngắc. - Giản dị = dễ dãi. - Khúc chiết = gãy nghĩa.

Rắn Đầu Biếng Học

(Thơ cổ)

Bài học thuộc lòng

Chẳng phải liu điu, vẫn giống nhà,
Rắn đầu biếng học lẽ không tha.
Thẹn đên, hổ lửa, đau lòng mẹ,
Nay thét, mai gầm, rát cổ cha.
Ráo mép chỉ quen lời lếu láo,
Lần lưng chẳng khỏi vệt năm ba.
Từ nay Châu, Lỗ, xin siêng học,

Kẻ hổ mang danh tiếng thế gia.

Lê Quý Đôn

* Đại ý :

- Tục truyền xưa có người ra cho ông Lê Quý Đôn bài thơ này lúc ông hãy còn ít tuổi. Đầu đề có chữ "rắn", ông ứng khẩu làm ngay được, câu nào cũng ghép được tên một thứ rắn: liu điu, hổ lửa, mai gầm, rắn ráo, thằn lằn, hổ mang, thật cũng là một nhà làm thơ có tài vậy.

* Giải nghĩa.

- Rắn = cứng. - Biếng = nhác. - Liu điu = rắn nước; đây dùng nghĩa bóng nói người hèn hạ. - Thẹn đèn, hổ lửa = ý nói học hành dốt nát, trông thấy đèn lửa mà thẹn thò, xấu hổ. - Nay thét, mai gầm = ý nói không chịu học, làm cho cha phải quở mắng luôn. - Vệt năm ba = nói phải đòn trên lưng, còn lằn. - Châu, Lỗ = trỏ đạo Khổng, Mạnh; ông Khổng tử ở nước Lỗ, ông Mạnh tử ở nước Châu. - Thế gia = nói một nhà ông cha đời trước làm nên danh giá

Tuần Phu

Tuần phu là trai tráng trong làng cất ra để canh phòng cho dân. Họ ngồi trong điểm đánh trống cầm canh, hoặc họ đi lùng đây đó, xó chợ, đầu đình, ngoài đồng, trong ngõ, để rình bắt những kẻ gian phi, trộm cướp. Vì có tuần phu nên cửa cải ta để trong nhà, không sợ mất cắp, thóc lúa ở ngoài đồng không sợ gặt trộm; ngày ta được yên tâm làm ăn, đêm ta được vững dạ ngủ ngon. Thật là việc trị an chung cho cả dân làng, mà tuần phu phải sớm khuya khó nhọc. Có khi họ liều mình, xông vào chỗ đầu gậy, mũi dao, nguy hiểm đến nỗi phải bị thương hay bỏ mạng. Vậy ta há lại không biết công cho họ ru?

* Giải nghĩa:

Điểm: trạm gác, nhà nhỏ để những người tuần phu ngồi canh. Đi lòng: đi khắp nơi tìm kiếm phát hiện những gì đáng nghi ngờ. Gian phi: kẻ làm điều trái phép. Trì an: giữ gìn an ninh, coi sóc cho được yên ổn. Bỏ mạng: chết. Ru: sao? (tiếng quen dùng ngày xưa) để kết thúc một câu có giọng tán thán.

Chuyện Lưu Bình Dương Lễ

Lưu Bình và Dương Lễ là hai người bạn chơi với nhau từ thuở còn nhỏ, rất thân thiết. Dương Lễ nhà nghèo, Lưu Bình đem về nuôi, để cùng nhau đêm ngày đèn sách học tập. Dương Lễ chịu khó chăm học, chẳng bao lâu thi đậu, được bổ đi làm quan. Lưu Bình thì cậy mình nhà giàu, hay chơi bời, cho nên thi mãi không đậu. Về sau lại bị giặc giã cướp phá, nhà cửa sa sút, lúc ấy muốn học, cũng không có tiền mà ăn học nữa, mới tìm đến chỗ Dương Lễ ở, để mong nhờ bạn cũ.

Dương Lễ từ khi đi làm quan, vẫn có lòng nhớ Lưu Bình; Khi được tin bạn đến, trong bụng đã mừng, nhưng lại nghĩ rằng: bạn ta hay chơi bời cho nên bây giờ mới khổ. Nếu ta đưa về nuôi, rồi lại sinh lười biếng, thì bao giờ cho thành thân được. Bèn giả làm mặt giận mà nói rằng: "Người làm quan không có bạn bè với người đói khổ", rồi sai lính đuổi đi. Lưu Bình tức giận ra về.

Dương Lễ vào bảo Châu Long đi nuôi bạn thay mình. Châu Long vâng lời, đem tiền của đi, giả làm người buôn bán, đưa Lưu Bình về nuôi cho ăn học. Trong ba năm, Lưu Bình cố gắng hết sức. Đến khi thi đậu, định đến nhà Dương Lễ để trách mắng, Dương Lễ cho Châu Long ra chào. Bây giờ Lưu Bình mới biết là người bạn đã hết lòng với mình. Từ đó, hai người lại thân thiết hơn trước.

Giải nghĩa.

- Sa sút = suy đồi, nghèo ngặt, không như trước. - Thành thân = làm nên danh phận.
Chăm = siêng.

Cần Phải Giữ Tính Hạnh Của Mình

Khi ông Trương Cán mới thi đậu, có vào yết kiến ông Vương Đình Tướng là một bậc danh sĩ đời bấy giờ. Ông Vương Đình Tướng bảo rằng: "Hôm trước, trời vừa mưa xong, tôi đi ra phố, có trông thấy một người đi đôi giày mới, đi từ phố này đến phố kia, rón rén tìm lối mà bước, chỉ sợ lấm giày; sau quanh vào thành, bùn lầy nhiều quá, người ấy lỡ chân dẫm phải đồng bùn, từ bấy giờ cứ bước tràn đi, chẳng tiếc gì đến đôi giày nữa. Xem thế mới biết người ta nên giữ gìn tính hạnh ngay từ lúc đầu, nếu đã lỡ một lần, thì dần dần thành ra người càn rỡ". Ông Trương Cán nghe lời dạy ấy, lấy làm cảm phục, mà tôn làm thầy.

Ta nay đi học, cũng nên lấy điều ấy làm răn. Dẫu việc nhỏ mọn thế nào, ta cũng phải cẩn thận giữ gìn, nếu không thì chỉ có lần đầu là khó, rồi hễ đã quen một lần là quen mãi. Bởi thế cho nên cổ nhân lấy sự giữ mình làm cẩn trọng lắm.

Giải nghĩa.

- Yết kiến = nói kẻ dưới đến thăm bậc trên. - Rón rén = sẽ đi, đi giữ gìn từng bước một. - Cổ nhân = người đời xưa. trông = ngó. - dần dần = lần lần. - càn rỡ = quấy quá.

Ông Nguyễn Văn Hiếu

Ông Nguyễn Văn Hiếu thuở nhỏ nhà nghèo, đi làm mướn, cắt cỏ cho người ta để kiếm ăn. Sau theo ông Võ Tánh ra giúp vua Gia Long đi đánh giặc, lập được nhiều công. Khi việc đánh dẹp xong rồi, vua sai ông ra làm trấn thủ ở Bắc kỳ.

Ông làm quan rất là thanh liêm, không lấy gì của ai bao giờ. Ông lại nghiêm cấm những người nhà không cho giao thông với người ngoài. Mồng năm ngày tết, ai cho gì cũng không lấy. Ông làm quan to mà nhà vẫn nghèo, lương bổng chỉ đủ ăn, chớ không thừa chút nào. Bà vợ thường hay phàn nàn vì nỗi nhà nghèo. Ông cười mà nói rằng: "Bà không nhớ khi ta phải đi cắt cỏ thuê, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc hay sao? Nay được như thế này, còn đòi gì nữa, mà lại muốn lấy của phi nghĩa để làm giàu ru?"

Ông làm quan rất có nhân, và ngăn cấm bọn lại thuộc không cho quấy nhiễu nhân dân, bởi vậy ông ở đâu, dân sự cũng yêu mến lắm. Khi ông làm trấn thủ Nghệ An, một hôm cùng với các quan đồng liêu tra án bọn ăn cướp, có đứa đã chịu thú tội, mà các quan còn có ông muốn tra tấn nữa. Ông nói rằng: "Chúng nó cùng khổ mới sinh ra làm bậy, nay đã thú tội rồi, thì cứ theo luật mà làm án, hà tất phải kìm kẹp cho lắm làm gì?"

Tính ông thật thà và cần mẫn, đối với người thì rất khoan hòa dễ dãi. Ông thật là một ông quan thuần lương, nghĩa là giỏi và liêm, xưa nay ít có vậy.

Giải nghĩa.

- Trấn thủ = quan đời xưa, cũng như tuần phủ, tổng đốc bây giờ. - Đồng liêu = người cùng làm quan với nhau. - Thú tội = nhận tội.

Thơ Thăng Mỗ (Anh seo, xâu)

(Thơ cổ)

(Bài học thuộc lòng)

Mỗ này cả tiếng lại dài hơi,

Mẫn cán ra tay chẳng phải chơi.
Mộc đặc vang lừng trong mấy côi,
Kim thanh chuyển động khắp đôi nơi.
Trẻ già chồn chồn đều nghe hiệu,
Làng nước ai ai cũng cứ lời.
Thứ bậc dưới, trên, quyền cát đặt,
Một mình một chiếu thành thoi ngồi.

Đại ý.

Thằng mõ là người đê hạ nhất trong làng, tuy vậy, có tiếng mõ rao khắp các thôn xóm, thì các người trong làng mới biết việc mà hội họp nhau lại. Bài thơ này khéo về lúc tả những cái rất hèn hạ mà chuyển thành những cái rất tôn trọng.

Giải nghĩa.

- Mẫn cán = nhanh nhẹn và chăm chỉ, - Mộc đặc = mõ gỗ. - Kim thanh = tiếng kêu vang. - Cứu lời = theo như lời mõ đã rao.

Đi Chợ Tính Tiền

(Ca dao)

(Bài học thuộc lòng)

Một quan tiền tốt mang đi,
Nàng mua những gì mà tính chẳng ra.
Thoạt tiên mua ba tiền gà,
Tiền rưỡi gạo nếp với ba đồng trâu.
Trở lại mua sáu đồng cau,
Tiền rưỡi miếng thịt, giá rau mười đồng.

Có gì mà tính chẳng thông?
Tiền rưỡi gạo tẻ, sáu đồng chè tươi.
Ba mươi đồng rượu, chàng ơi,
Ba mươi đồng mật, hai mươi đồng vàng.
Hai chén nước mắt rõ ràng,
Hai bảy mươi bốn, kéo chàng hồ nghi.
Hai mươi mốt đồng bột nấu chè,
Mười đồng nải chuối, chẵn thì một quan.

Giải nghĩa.

-Tiền tốt = tiền tiêu được. - Vàng = đồ làm bằng giấy cứng rồi đốt đi. - Hồ nghi = ngờ vực, không biết rõ.

Tế Nam Giao

Kể các sự tế tự của ta thì tế Nam giao là trọng thể hơn cả. Tế Nam giao là tế Trời, Đất, cứ ba năm một kỳ, vua ra chủ trì. Khi vua ra tế, thì đội mũ miện, mặc áo long cổn và đi hia.

Còn các quan thì mũ áo chỉnh tề, đứng hai bên, quan văn bên tả, quan võ bên hữu. Lúc tế có âm nhạc ca vũ và có voi ngựa, quân lính dàn khắp ở ngoài rất nghiêm trang. Cách bài trí, cách tế lễ thật là kính cẩn, tôn nghiêm.

Ai đã được xem tế Nam giao, đã được trong thấy cái cảnh tượng ban đêm đèn đuốc sáng choang, trên bàn thờ khói hương nghi ngút, dưới bao nhiêu người chủ tâm về sự lễ bái như thế, thì ai ai cũng phải sinh lòng cung kính.

Giải nghĩa.

- Mũ miện = mũ ở trên đỉnh phẳng và có mười hai tua tỏa xuống để vua đội lúc ra tế Nam giao. - Áo long cổn = áo thêu rồng của vua mặc. - Chủ tâm = để tâm để chí vào một việc gì.

Cách Sửa Mình

Ông Trình tử xưa để hai cái lọ ở bên cạnh chỗ ngồi. Mỗi khi trong bụng nghĩ một điều gì thiện, thì ông bỏ một hạt đậu trắng vào trong một lọ. Mỗi khi nghĩ một điều gì ác, thì ông lại bỏ một hạt đậu đen vào cái lọ kia. Lúc đầu, đậu đen nhiều, đậu trắng ít. Sau đậu trắng nhiều, đậu đen ít, dần dần đến không còn một hạt đậu đen nào. Về sau, không cần phải bỏ đậu trắng nữa, tâm tính bấy giờ thuần nhiên toàn thiện.

Vì ông Trình tử biết sửa tâm rèn tính như thế mới thành được người hiền triết. Vậy ta nên lấy đó làm gương mà sửa mình. Trong sách có câu: "Từ đáng thiên tử cho đến kẻ thứ dân ai ai cũng phải lấy sự tu thân làm gốc." Vậy người ta bất cứ làm gì cũng phải cố mà sửa mình cho nên con người có phẩm hạnh.

Giải nghĩa.

- Trình tử = đây là ông Trình Y Xuyên, em ông Trình Hiệu đời nhà Tống. - Toàn thiện = ý nói nghĩ làm cái gì đều hiền lành tử tế cả. - Hiền triết = bậc có đạo đức cao và học hành rộng. - Thiên tử = (con trời) nghĩa là vua. - Thứ dân = người thường dân. - Tu thân = sửa mình. - Lọ = chĩnh.

Thác Khê

Sông Cửu Long chảy đến Khône thuộc về Hạ Lào, thì có nhiều thác cao tới mười lăm, mười sáu thước và dài đến hàng nghìn thước. Khúc sông ở phía trên thác thì hẹp lại rồi chảy tràn một vùng có đá lởm chởm và rộng tới bốn năm dặm. Phong cảnh chỗ ấy thật là hùng vĩ thanh tú. Dưới sông nước chảy âm ỉ nghe như tiếng sấm; trên núi "cỏ cây chen đá, lá chen hoa". Giữa thác, đàn cá vẩy vùng; xa xa chim trời lênh bênh theo dòng nước chảy. Thác Khône thật là một nơi tiểu sơn lâm mà có đại kỳ quan vậy.

Giải nghĩa.

- Lởm chởm = lở nhố nhiều lắm. - Dặm = dặm tây là bốn nghìn thước tây. - Hùng vĩ = to lớn. - Thanh tú = đẹp dễ. - Tiểu sơn lâm = một khu rừng nhỏ. - Đại kỳ quan = một nơi có phong cảnh rất lạ. - Nghìn = ngàn. - thật = thiệt. - lênh bênh = linh binh.

Xứ Cao Mên

Đi vào Biển Hồ và chùa Đế Thiên Đế Thích, thì phải theo ngược dòng Tonlé Sap là một nhánh sông Cửu Long.

Tonlé Sap có nhiều cảnh lạ, người đi qua nhìn không bao giờ chán mắt. Hai bên bờ, thì cây cối um tùm. Chỗ này lác đác mấy cái nhà sàn, cheo leo trên mặt nước; chỗ kia tịch mịch một cái lăng, một ngọn tháp hay một cảnh chùa, điểm một vị sư mặc cà sa vàng, đang trầm tư mặc tưởng. Thỉnh thoảng những chỗ thưa cây, lại có một pho tượng thật lớn mỉm cười mà nhìn xuống cõi tục, tựa hồ như nhìn người đời xô đẩy nhau trong vòng danh lợi.

Nhưng sông Tonlé Sap có cái cảnh lạ hơn cả, là thường dòng nước ở trong Biển Hồ chảy ra, mà đến mùa mưa, nước sông Cửu Long lên to thì dòng nước lại ở ngoài sông chảy lại.

Giải nghĩa.

- Biển Hồ = hồ lớn nhất ở Cao Mên. - Chùa Đế Thiên Đế Thích = chùa cổ nhất ở Cao Mên.
- Lác đác = rải rác một vài cái. - Tịch tịch = yên lặng. - Trầm tư mặc tưởng = ngẫm nghĩ về những điều cao xa. - Cõi tục = thế giới ta ở.
- um tùm = um sùm. - thừa = sưa. - mím = chum chím.

Xứ Cao Mên (bài nối)

Đến mùa dòng nước chảy lại như vậy, thì các miền xung quanh Biển Hồ lại ngập cá.

Nước lên đem đất phù sa vào làm cho ruộng đất tốt thêm, cá theo nước vào hồ, có hàng ức triệu con, để nhân dân chài lưới mà sinh nhai. Dân Cao Mên giàu về nghề đánh cá. Nước tràn vào cả các khu rừng gần hồ, mênh mông như biển, ngập cả cây cối.

Mùa ấy gọi là "mùa cá lên ngàn". Trong khi ấy thì không gì thú bằng một con thuyền đung đỉnh dạo chơi trên mặt nước.

Hằng năm, cứ đến mùa nước xuống, thì dân Cao Mên mở hội rất trọng thể. Lúc ấy có vua ngự ra cùng với các quan và dân sự đi thuyền theo không biết cơ man nào mà kể. Đợi lúc bước xuống, thì thuyền bơi đến chỗ có cái dây chằng ngang qua sông. Vua làm lễ cầm thanh bảo kiếm chém đứt cái dây ấy, ngụ ý mở đường cho nước xuống để dân sự cày cấy làm ăn.

Giải nghĩa.

- Đất phù sa = đất sông bồi lên. - Sinh nhai = kiếm ăn. - Đung đỉnh = ung dung, thong thả.
- con = chiếc. - Hằng = mỗi.

Thành Nam Vang

Nam-vang là kinh đô nước Cao Mên. Xưa, đây là một khu đất bỏ hoang, chỉ những cây cỏ gai gốc, ao đầm ẩm ướt, thế mà bây giờ hóa ra một chốn thành thị đông đúc, phố xá rộng rãi, lâu đài đẹp đẽ.

Buổi đầu, Nhà nước đào sông khơi ngòi để lấy đất lấp những hồ ao và làm cầu cống để cho tiện đường đi lại. Hai bên bờ sông dần dần các dinh thự nổi lên. Người bản xứ, người Khách thấy thế cũng theo mà làm nhà cửa rộng rãi, cao ráo, đẹp đẽ. Hiện nay Nam Vang là một chốn đô hội lớn và đẹp.

Giải nghĩa.

- Kinh đô = chỗ vua đóng. - Dinh thự = sở làm việc công. - Đô hội = thành thị to, đông người ở. dần dần = lần lần.

Hồ Hoàn Kiếm

Trong thành phố Hà Nội có một cái hồ gọi là hồ Hoàn Kiếm. Tục truyền rằng một hôm, vua Lê Thái Tổ ngự ra câu cá ở bờ hồ, chỗ gần sở Đốc-ly bây giờ, bỗng có một con rùa thật lớn nổi lên trên mặt nước. Vua lấy thanh bảo kiếm ném con rùa, thì nó lặn xuống, rồi nó đem thanh kiếm lên trả vua. Bởi thế mới đặt tên là Hoàn Kiếm.

Ở giữa hồ, về phía tây, có đền Ngọc-sơn. Đi vào đền thì phải qua một cái cầu. Đền ngoài thì thờ đức Văn Xương, đền trong thì thờ đức Quan Đế. Đằng trước đền, xa xa về phía tay phải thì có một cái gò, ở trên xây một cái tháp gọi là Tháp Rùa.

Xung quanh hồ thì có đường đi sạch sẽ, hai bên có cây cao bóng mát. Chiều đến, thì bờ hồ đông như hội, vì là một nơi mát mẻ nhất trong thành phố. Thật là:

"Dập dìu tài tử giai nhân,

Ngựa xe như nước, áo quần như nêm."

Giải nghĩa.

- Tục truyền = lời miệng truyền lại, không có bằng chứng gì làm đích thực. - Sở Đốc-ly = sở cai trị thành phố. tay phải = tay mặt. - gò = cồn.

Huế

Ở Huế, thì chỉ có thành trì và lăng tẩm là đẹp hơn cả. Thành thì xây bằng gạch, thật cao, ở xung quanh thì có hào sâu và rộng. Trong thành, chính giữa thì có Hoàng -thành, là chỗ cung điện nhà vua; ở bên cạnh thì có các bộ và các viện. Vào Hoàng-thành thì đi qua cửa Ngọ-môn và những con đường rộng lát gạch, hai bên có hồ sen rồi mới đến sân rồng, trước điện Thái-hòa là chỗ có thiết đại trào thì vua ngự.

Các lăng thì ở trong những khu rừng gần kinh đô. Có lăng Gia Long, lăng Minh Mạng, lăng Thiệu Trị và lăng Tự Đức là đẹp hơn cả. Ở đấy thì có đường rộng, bệ cao, có đền đài, hồ ao, có cây cổ thụ, có hoa bốn mùa. Lăng tẩm là một nơi hùng vĩ đẹp đẽ mà lại có vẻ tịch mịch vô cùng.

Giải nghĩa.

- Lăng tẩm = mộ các đế vương. - Hùng vĩ = mạnh mẽ. - Tịch mịch = yên lặng. cổ thụ = cổ thụ.

Sái Gòn

Trước khi người Pháp sang bên ta, Sài Gòn là một nơi có nhiều ao đầm kênh rạch bùn lầy ẩm thấp. Thế mà bây giờ thành ra một nơi đô hội rất đẹp ở nước ta. Người ngoại quốc đẽ cho là "một hạt trân châu ở Viễn Đông" này. Mà thật thế, bây giờ ở Sài Gòn có nhiều lầu đài tráng lệ, nhà cửa đẹp đẽ, phố xá rộng rãi, vườn tược mát mẻ, nước máy trong sạch, đèn điện sáng choang, nhân dân đông đúc, kể có hơn tám vạn người, buôn bán phồn thịnh, tàu bè qua lại tấp nập cả năm. Đứng trên cao trông xuống, thành phố Sài Gòn chẳng khác nào một khu vườn rộng mông mênh, một màu xanh biếc, lô nhô nổi lên trên ngọn cây những nhà cao lớn, tựa hồ như muốn ganh đua với cỏ cây mà chiếm lấy một chỗ ở trên cao vậy.

Giải nghĩa.

- Kênh rạch = sông ngòi. - Ẩm thấp = ướt áp, không được khô ráo. - Trân châu = ngọc trai. Đây vì Sài Gòn đẹp như hòn ngọc trai. thịnh = thịnh. - tấp nập = rộn rục. - trông = ngó.

Chợ Lớn

Ở Nam Việt đất xốp và hay lún. Người ta vận tải những đồ vật nặng có phần khó khăn và nhất là làm đường xe lử lại càng khó lắm. Cho nên sự giao thông và vận tải đều đi đường thủy cả.

Ở gần Sài Gòn, hai bên bờ Rạch Ông, người đi kẻ lại tấp nập lạ thường. Trên phía bắc là chỗ tàu thủy đậu, hàng hóa chõng chất ngổn ngang. Dưới phía nam là nơi ghe mảnh đậu liên tiếp với nhau, dài kể đến một ngàn thước tây, cột buồm lô nhô chen chúc thật là nhiều. Đi quá chỗ ấy rồi cứ theo rạch Ông quanh co ở miền đồng điền, một lát, thì đến những nơi có làng xóm sầm uất. Đi khỏi chỗ đó thì trông thấy Chợ Lớn. Ở Chợ Lớn thì nhan nhản những nhà cao cửa lớn, người đi lại đông đúc như kiến, trên bờ, dưới bến xôn xao nhộn nhịp, mà phần nhiều là khách trú cả.

Giải nghĩa.

- Đất xốp = đất không chắc. - Tấp nập = nhộn nhịp. - Ngổn ngang = bừa bãi, không có thứ tự. - Xôn xao = ồn ào những tiếng người. - mành = bầu. - sầm uất = đông đảo.

Tràng Học Vui

Nhà gạch mái ngói thật cao ráo, chắc chắn. Ngoài thì cửa chớp sơn sanh, trong thì cửa kính sáng sủa.

Lớp nào lớp ấy, bàn ghế toàn bằng gỗ lim, đánh bóng. Trên tường treo nhiều bản đồ. Trong tủ có nhiều sách chữ tây và chữ quốc ngữ.

Thầy giáo dạy biết bao nhiêu học trò, cậu nào cậu ấy ngồi nghe có ý chăm chỉ lắm.

Ấy, tràng học vui vẻ như vậy. Sao ta chẳng rủ nhau đi học. Có học mới biết, mới khôn được.

Giải nghĩa.

- Đánh bóng = làm cho bóng, đánh gỗ lên nước. Người ta thường đánh bàn ghế bằng lá chuối khô hoặc bằng giẻ.

cửa chớp = cửa lá sách. - cửa kính = cửa gương.

Lịch Sử Nước Ta

Ta học sử để biết những việc đời trước. Thuở người ta chưa biết đặt ra chữ viết thì chỉ đem những công việc trong đời mình và những chuyện xảy ra trong nước kể lại cho con cháu nghe. Những chuyện ấy cứ truyền miệng như thế hết đời nọ sang đời kia, nên quên đi ít nhiều cùng sửa đổi lại mà thành ra chuyện cổ tích. Chuyện cổ tích không phải là thực cả, nhưng hay, nên ta thích kể.

Ta biết sử nhất là vì có sách cổ để lại. Trong lắm pho sách như pho Quốc sử, tổ tiên ta có chép những công việc lớn lao trong nước Việt nam và chuyện các đấng vĩ nhân anh hùng nữa. Tổ tiên còn để lại những bút tích trong đền chùa, lăng tẩm và bia nữa.

Giải nghĩa.

- Vĩ nhân = người tài giỏi hơn mọi người khác. - Anh hùng = người làm những việc hiển hách. - Bút tích = cái gì người đời xưa chép mà còn lại đến bây giờ. - Lăng tẩm = mồ mả của vua chúa xây đắp đẹp đẽ.

Mau Trí Khôn

Một hôm, anh Giáp và lũ trẻ trong làng rủ nhau ra chơi ở trước sân đình, bên cạnh cái ao. Trong khi mấy anh em đang đánh quần, đánh đáo với nhau, thì anh Tý nom thấy con chuồn chuồn đậu trên cành đào, ở gần bờ ao, liền bỏ chạy đi đuổi bắt. Bỗng nghe tiếng kêu, mọi người ngoảnh lại, thì thấy anh Tý đang lơi nhoi dưới nước. Mấy đứa trẻ kia trông thấy, hoảng hốt, sợ hãi bỏ chạy mỗi đứa một nơi kêu la rầm rĩ. Anh Giáp không chạy đâu cả, trông trước, trông sau, thấy có cây sào dựng bên cạnh đình, liền vác ra, bỏ xuống ao cho anh Tý nín lấy mà lên. Thế là nhờ có anh Giáp mau trí khôn mà cứu được anh Tý khỏi chết đuối.

Giải nghĩa.

- Mau trí khôn = sáng trí, gặp việc khó mà tinh thần tỉnh táo, không hốt hoảng. - Chuồn chuồn = một thứ côn trùng có bốn cánh mỏng, đuôi dài. - Hoảng hốt = vội vàng, sợ hãi. - Rằm rĩ = om sòm. - Níu = nắm chặt. loi nhoi = cựa quậy.

Lúc nguy cấp cần phải mau trí khôn

Bệnh Ghẻ

Bệnh ghẻ là một bệnh ở ngoài da, do con ghẻ mà sinh ra.

Ai có bệnh ấy, thì lúc đầu ngứa ngáy, khó chịu. Sau thấy có những nốt, trước còn mọc ở kẽ tay, cổ tay, nếu không chữa ngay thì dần dần lan ra khắp cả mình mẩy.

Bệnh ghẻ là một bệnh hay lây, nghĩa là có thể truyền người nọ sang người được. Người ta thường lây bệnh ấy, là vì hay ở chung chạ với người có ghẻ, hoặc chung chăn chiếu, chung quần áo với họ.

(còn nữa)

Giải nghĩa.

- Lan = ăn rộng mãi ra. - Chung chạ = ở lẫn với nhau. nốt = mụn. - dần dần = lần lần. - chăn = mền.

Bệnh ghẻ hay lây

Bệnh Ghẻ (tiếp theo)

Muốn không mắc phải bệnh ghẻ, thì ta chớ nên dùng những đồ đạc mà người có ghẻ đã dùng. ta lại phải ở cho sạch sẽ, vì ở bẩn thường sinh ra ghẻ lở. Bệnh ghẻ không nguy hiểm gì, nhưng ghê tởm lắm.

Ai mắc bệnh ấy, thì nên chữa ngay. Mà chữa thì phải lấy xà phòng đen và bàn chải cứng mà xát vào những chỗ ghẻ cho bật máu ra, rồi tắm rửa cho thật sạch. Đoạn lấy thuốc ghẻ mà bôi. Còn quần áo thay ra thì phải bỏ vào nước sôi mà nấu. Cứ làm như vậy, thì chẳng bao lâu khỏi ghẻ.

Giải nghĩa.

- Nguy hiểm = có thể hại đến sức khỏe hay tính mệnh. - Xà phòng = do tiếng Pháp savon mà ra. Xà phòng dùng để tắm giặt cho sạch. bẩn = dơ. - khỏi = lành.

Ghẻ thường tại bẩn mà sinh ra

Đồ Làm Ruộng

Muốn xới đất lên, thì người ta dùng cày hay dùng cuốc và cào. Cày và bừa thì dùng ở ngoài đồng, phải có trâu bò kéo. Cuốc và cào thì dùng ở vườn tược, tay người ta làm lấy. Đào đất thì người ta dùng cái thuổng (xuống, thêu). hay là cái mai. Đập đất cho nhỏ, thì người ta dùng cái vồ bằng gỗ. Giũi cỏ cho sạch, thì người ta dùng cái nạo. Còn nhiều nơi người ta dùng quả lăn bằng gỗ hay bằng đá để lăn cho nhỏ đất, hoặc để trang cho phẳng mặt đất. Đến mùa lúa chín, thì người ta dùng cái hái (vàng) để gặt, cái liềm để cắt rạ. Hết thảy những đồ ấy là đồ cần dùng cho những nhà làm ruộng.

Giải nghĩa.

- Giũi = nạo cho sạch. Có nơi gọi là xúi. - Trang = san cho phẳng.

Chăn Trâu

Ai bảo chăn trâu là khổ?

- Không, chăn trâu sướng lắm chứ! Đầu tôi đội nón mê như lọng che. Tay cầm cày tre như roi ngựa, ngất ngểu ngồi trên mình trâu, tai nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm bướm lượn trên đám cỏ. Trong khoảng trời xanh, lá biếc, tôi với con trâu thành thời vui thú, tưởng không còn gì sung sướng cho bằng!

Giải nghĩa.

- Nón mê = nón rách. - Ngất ngểu = có ý nói ngồi trên mình trâu lấy làm đặc chí. cày = ngành.

Học Trò Lười Biếng

Bính là một đứa học trò lười biếng (nhác nhòn). Sáng ngày dậy trưa nên đi học trễ, mà tiếng rằng đi học, nhưng chẳng mấy khi nó thuộc bài và làm đủ bài. Khi nó ở nhà cha mẹ sai làm việc gì, thì tìm đường trốn tránh. Cả ngày chỉ thích chơi bời lang thang ở ngoài đường, ngoài ngõ. Cha mẹ đánh mắng luôn và thầy giáo cũng quở phạt luôn.

Nếu nó cứ lười biếng như thế mãi, thì về sau chắc sẽ phải khổ suốt đời. Những người lười biếng thì không làm gì nên thân. Ta chớ nên lười biếng.

Giải nghĩa.

- Lang thang = vơ vẩn ngoài đường. - Quở = cũng có nghĩa là mắng.

Học Trò Chăm Học

Sửu chăm học lắm. Khi ngồi trong lớp học thì nó cúi đầu nom vào bài, lẳng tai nghe lời thầy dạy. Bao nhiêu tâm trí đem vào sự học cả. Nó không nhìn ngang, nhìn ngửa, không thụ ngầm, nghịch trộm anh em.

Ở nhà, lúc nó chơi, thì hẳn ra chơi, mà lúc nó học bài hay tập viết, thì chỉ chăm học chăm viết mà thôi, chứ chẳng bao giờ nghĩ lảng đi đâu cả. Nó học tập như vậy, trách nào mà chẳng mau tấn tới.

Giải nghĩa.

- Ngầm = giấu giếm không cho ai biết. - Trộm = cũng nghĩa là ngầm.

Nên Giúp Đỡ Lẫn Nhau

Trời nắng to. Đường thì dốc. Một ông lão đẩy cái xe lộn. Trên xe có ba bốn con lợn to, chân trói, bụng phơi và mồm kêu eng éc. Ông lão cố đẩy cái xe, mặt đỏ bừng, mồ hôi chảy, mà xe vẫn không thấy chuyển.

Mấy cậu bé đang chơi trên bờ đê, thấy thế, vội chạy tới, xúm lại, buộc dây vào đầu xe mà kéo hộ.

Xe lên khỏi dốc, ông lão cảm ơn các cậu và các cậu cũng lấy làm vui lòng, vì đã giúp được việc cho người.

Giải nghĩa.

- Xe lộn = thứ xe một bánh để chở lợn, gà và các đồ vật. - Chuyển = nhúc nhích, động đậy.
lợn = heo.

Lễ Phép Với Người Tàn Tật

Anh Trung, nhân ngày chủ nhật, cùng với lũ trẻ rủ nhau ra cổng xóm chơi. Lũ trẻ đang nô đùa với nhau, bỗng trông thấy một người ở đằng xa chống gậy đi đến. Người ấy què một chân, đi khập khểnh. Lũ trẻ cười ầm cả lên.

Anh Trung mắng lũ trẻ mà bảo rằng: "Người ta là một người tàn tật, thì chúng ta lại càng phải giữ lễ phép lắm; sao các anh trông thấy lại cười ầm lên như vậy, chẳng hóa ra là vô hạnh lắm ru."

Lũ trẻ nghe nói, không dám cười nữa. Khi người què đến, anh Trung đứng nép ra bên đường để cho người ấy đi, cả lũ trẻ cũng bắt chước như vậy.

Giải nghĩa.

- Nô đùa = chơi nghịch với nhau, có nơi gọi là trỏng dỏn (giỡn) hay chơi dỏn (giỡn). - Vô hạnh = không có nết na, không biết giữ lễ phép. cổng = cửa ngõ.

Cái Cày

Cái cày là đồ làm ruộng cần nhất. Cái cày của ta dùng còn đơn sơ lắm, gần hết làm bằng gỗ. Thân cày, náng cày, chỗ tay cầm (seo cày) toàn bằng gỗ cả. Cái bắp cày thì bằng tre hay bằng gỗ. Chỉ có cái lưỡi cày và cái diệp là bằng sắt mà thôi. Cái cày tây thì gần hết làm bằng thép cả, và đủ bộ phận hơn cày ta. Bên Tây nhiều khi lại còn ghép mấy cái cày vào một cái bắp, rồi dùng máy kéo. Bên ta dùng cày máy không tiên, vì ruộng ta bùn lầy, lại chia ra từng miếng nhỏ hẹp. Sự cày bừa của ta quanh đi quẩn lại chỉ nhờ sức trâu bò mà thôi.

Giải nghĩa.

- Diệp cày = một miếng gang hay một miếng sắt để gắn liền ở trên cái lưỡi, để khi cày nó lật đất ra hai bên. -Quanh đi quẩn lại = chỉ có thế mà thôi, không có gì khác nữa.

Con Trâu

Trâu lớn hơn bò và sức mạnh hơn. Lông đen, cứng và thưa, thỉnh thoảng có con lông trắng. Mắt lơ lơ, sừng to và cong lên. Trâu xem nặng nề và chậm chạp hơn bò. Tính nó thuần và hay chịu khó. Ăn uống ít, mỗi ngày chỉ vài ba nắm cỏ khô cũng đủ. Nó ưa đầm (mẹp) xuống nước, xuống bùn, và có thể lội qua sông, qua đầm được.

Trâu dùng để cày ruộng, kéo xe, hoặc kéo che đạp mía. Thịt trâu không ngon bằng thịt bò. Da trâu dùng để bịt trống hay làm giày dép. Sừng trâu dùng làm các đồ vật như: cán dao, lược, ống thuốc v.v...

Trâu thật là con vật có ích. Ta vẫn cho vào hạng lục súc rất có công với người.

Giải nghĩa.

- Lò đờ = trông không nhanh trai. - Đầm = lặn xuống cho có nước, có bùn. - Che đập mía = máy ép mía. - Lục súc = Sáu giống vật của người ta nuôi: trâu, ngựa, dê, gà, chó, lợn.

Mây Và Mưa

Khi ta nấu nồi nước, thì ta thấy hơi nước bốc lên nghi ngút như khói. Giả ta lấy cái vung úp lên trên miệng nồi một lát, thì thấy ở cái vung có giọt nước chảy xuống. Vậy mây ở trên trời cũng giống như hơi ở nồi nước. Nhưng mây là hơi nước ở sông, ở bể bốc lên, mà thành ra. Lúc đầu thì mây là những giọt nước nhỏ mà nhẹ, rồi dần dần lên trên cao, gặp khí lạnh, hợp lại thành giọt nước lớn và nặng. Khi giọt nước nặng quá, thì rơi xuống, thành ra mưa.

Nước mưa một phần thấm xuống đất, một phần chảy vào ao, vào ruộng, hay là chảy vào ngòi, vào sông, rồi lại ra bể.

Giải nghĩa.

- Nghi ngút = hơi bay khói bốc lên nhiều. - Vung = cái nắp đậy trên cái nồi. dần dần = lần lần. - rơi = rớt.

Mưa Dầm Gió Bắc

Về mùa đông, khi gặp mưa dầm gió bắc, thì phong cảnh nhà quê thật tiêu điều buồn bã. Ngoài đồng thì nước giá, thỉnh thoảng mới thấy lác đác có người cày hay bừa. Người nào người nấy cặm cụi (lụi cụi) mà làm, không trò chuyện vui vẻ như khi ấm áp. Trong làng thì

đường sá vắng tanh, bùn lầy đến mắt cá chân. Xung quanh mình, không có một tiếng động, chỉ nghe gió thổi vào bụi tre ù ù, giọt nước rơi xuống đất lách tách.

Giải nghĩa.

- Tiêu điều = vắng vẻ buồn bã. - Giá = lạnh cóng chân tay. - Cặm cụi = cắm đầu làm, không nghĩ đến việc khác. - Bùn lầy = đất lũng bõng nước.

Thợ Làm Nhà

Làm một cái nhà gạch, phải dùng biết bao nhiêu thứ thợ.

Đào móng, đổ nền, phải có thợ đấu. Đặt móng xây tường phải có thợ nề. Làm cột, làm kèo, làm gác, làm cửa phải có thợ mộc.

Lại còn thợ chạm, chạm cửa võng; thợ thiếc làm máng, thợ sơn sơn cửa.

Ấy là ta không nói những thợ cưa gỗ, nung vôi, làm gạch cùng những thợ lắp kính, lắp khóa, v.v...

Làm cho thành một cái nhà, phải dùng biết bao nhiêu thợ thuyền và tốn biết bao nhiêu công của.

Giải nghĩa.

- Cửa võng = gỗ chạm lõng, thường đặt ở gian (căn) giữa nhà, từ bên nọ sang bên kia.
thợ đấu = thợ làm đất. - Thợ nề = thợ hồ. - nung = đốt.

Con Ong

Người ta nuôi ong, phải làm tổ cho nó ở. Ong ở từng đàn. Những ngày nắng ráo, thì từ sáng đến tối nó bay đi tìm hoa, lấy nước mật hoa đem về làm mật, lấy phấn hoa đem về làm sáp.

Ta nuôi ong để lấy mật và lấy sáp. Mật để ăn, sáp để làm nến (cây đèn); ta lại còn dùng sáp ong để đánh các đồ đạc bằng gỗ cho bóng. Ong có ngòi (nọc) đốt đau; ai vô ý mà đến gần tổ ong, thường bị nó đốt.

Giải nghĩa.

- Nước mật hoa = nước có vị ngọt ở trong hoa. - Phấn hoa = phấn vàng bám ở nhị hoa. - Sáp ong = một chất dẻo, có sắc vàng, lấy ở tổ ong ra. - Nến = thứ nến làm bằng sáp ong ta gọi là nến sáp. tổ = ổ.

Truyện Ông Ngô Quyền

Một đạo quân Tàu đi đường biển vào sông Bạch Đằng. Ông Ngô Quyền sai quân lấy gỗ đẽo nhọn bịt sắt cắm xuống lòng sông rồi chờ nước thủy triều lên, cho thuyền nhẹ ra khiêu chiến quân giặc. Được ít lâu, ông giả cách thua, Ngược dòng sông chạy. Quân tàu đuổi theo, nhưng ngay lúc đó nước thủy triều xuống, thuyền của họ chạm vào cọc vỡ nát cả. Quân Tàu bị một trận thua to.

Được trận rồi ông Ngô Quyền lên làm vua, đóng đô ở Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên). Ông trị vì được sáu năm. Từ lúc ông lên làm vua là hết cuộc nội thuộc nước Tàu và bắt đầu thời kỳ tự chủ trong lịch sử nước Việt nam.

Giải nghĩa.

- Sông Bạch Đằng = nhánh sông Thái Bình chảy vào gần tỉnh lỵ Quảng Yên. - Nước thủy triều = nước biển mỗi ngày dâng lên lại rút xuống. - Khiêu chiến = kêu cho người ta đánh nhau với mình.

Ông Trần Quốc Tuấn

Hồi nước Việt Nam phải quân Mông Cổ sang đánh, vua ta giao binh quyền cho ông Trần Quốc Tuấn. Ông đánh trận đầu, vì quân Mông Cổ nhiều hơn quân ta, nên ông bị thua. Vua thấy thế mới bảo ông rằng: "Thế giặc mạnh lắm, trăm sợ đánh nhau mãi khổ dân. Hay là trăm hàng cho dân khỏi khổ?" Ông tâu rằng: "Bệ hạ phán thế, thực có bụng thương dân lắm; nhưng dám xin Bệ hạ biết cho rằng cái đạo làm vua, trước hết phải gìn giữ lấy giang sơn tiên tổ để lại cho đã. Nếu Bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu thần đi đã." Vua nghe nói thế, vững dạ, không nghĩ đến việc ra hàng nữa.

Giải nghĩa.

- Binh quyền = quyền rèn tập, coi bảo quân lính. - Trăm = tiếng vua dùng để chỉ mình như ta nói "tôi", "ta", v.v... - Hàng = chịu phục, thôi không dám kháng cự lại, mà theo quyền phép người. - Giang sơn = đất cát, sông núi của một nước.

Vua Lý Thái Tổ Dời Đô Ra Thành Hà Nội

Vua Lý Thái Tổ thấy đất Hoa Lư là chỗ nhà Đinh và nhà Lê đóng đô trước chật hẹp quá, mới dời đô ra thành Đại La là nơi thủ phủ nước ta về cuối thời nội thuộc Tàu. Sử chép rằng khi thuyền rồng nhà vua ra đến nơi, thì thấy một con rồng vàng bay lên trời. Nhà vua cho là điềm tốt mới đổi tên là Thăng Long nghĩa là "Rồng lên". Thế là thành Thăng Long, tức là thành Hà Nội bây giờ, thành ra kinh đô nước Việt Nam.

Giải nghĩa.

- Thủ phủ = chỗ các quan cai trị một hạt đóng. - Điềm = cái chứng triệu gì cho ta biết rằng công việc sau này tốt hay xấu. - Kinh đô = chỗ có triều đình nhà vua.

Thành Thăng Long là thành Hà Nội ngày nay

Vua Lê Thánh Tông

Vua Lê Thánh Tông sai quan làm bộ quốc sử và vẽ địa đồ nước ta. Ngài họp tập các nhà danh sĩ thời bấy giờ và khuyến khích việc văn học, ngài có soạn ra nhiều thơ chữ nho và thơ nôm nữa.

Ngài tìm cách mở mang nghề làm ruộng và nghề chăn nuôi. Ngài cho khai khẩn những đất hoang, mở ra hơn bốn mươi sở đồn điền cho dân nghèo khổ có việc mà kiếm ăn. Ngài lập ra nhà tế sinh để nuôi những người già yếu tàn tật, không có nơi nương tựa; khi nào có dịch tễ thì sai quan đem thuốc phát cho các người mắc bệnh.

Ngài lại đánh lấy được nước Chiêm Thành nữa.

Nói tóm lại đời vua Lê Thánh Tông là một thời kỳ vẻ vang nhất trong lịch sử nước Nam.

Giải nghĩa.

- Danh sĩ = người làm văn có tiếng. - Thơ nôm = thơ tiếng ta.

Vua Lê Thánh Tông đánh được nước Chiêm Thành

Ngoan (Giỏi) Được Khen, Hư Phải Chê

Đứa bé yêu mến cha mẹ, vâng lời thầy dạy, là đứa ngoan. Đứa bé kính nể anh chị, nhường nhịn các em, cũng là đứa ngoan. Đứa bé biết lễ phép, ăn ở tử tế với cả mọi người, cũng là đứa ngoan. Ngoan thì ai cũng yêu, cũng khen, cũng chiều chuộng.

Còn những đứa bé không kính mến cha mẹ, không nghe lời thầy dạy, không nhường nhịn anh em và xấu láo với cả mọi người, đều là những đứa hư ca. Hư thì ai cũng ghét, cũng chê, cũng mắng mỏ (la mắng). Vậy các trẻ con đứa nào cũng nên ăn ở cho ngoan ngoãn.

Giải nghĩa.

- Chiều chuộng = theo ý mình mà làm cho mình bằng lòng. - Xấu láo = vô phép, ngược đãi người bề trên, cũng như hỗn hào, xấu xược. bé = nhỏ.

Ngoan được khen, hư phải chê

Mấy Lời Khuyên Về Vệ Sinh

Khi chơi đừng có chạy nhanh lắm.

Khi mồ hôi chảy, chớ có uống nước lã, chớ có đứng chỗ luồng gió (gió lộng).

Trời mưa ẩm ướt, chớ có chơi đùa dầm châm ở dưới nước.

Đi đường gặp mưa, quần áo có ướt phải thay ngay.

Những khi ngủ, phải đắp bụng, ăn uống phải có điều độ.

Khi ốm đau, không nên ăn đồ độc: có kiêng có lành.

Giải nghĩa.

- Luồng gió = lối gió thổi mạnh. - Kiêng = giữ không ăn hay không làm những cái gì có thể hại đến sức khỏe. nhanh = lành.

Khi có mồ hôi không nên uống nước lã

Truyện Gươm Thần Của Vua Lê Lợi

Tục truyền rằng vua Lê Lợi, trước khi nổi lên đánh quân Minh, vẫn ở Hà Nội làm nghề đánh cá.

Một hôm ngài quăng lưới xuống hồ Hoàn Kiếm, bây giờ còn gọi là hồ Tả vọng, lúc kéo lên không được cá, lại được một thanh gươm rất đẹp, lưỡi rộng, cứng mà sáng loáng. Ngài được thanh gươm ấy, nổi lên đánh quân Tàu, đuổi ra ngoài nước, rồi lên ngôi vua ở Thăng Long (Hà Nội bây giờ).

Một hôm ngài ngự thuyền chơi trên hồ; ngài thấy có một con rùa to nổi lên, bơi lại gần ngài. Ngài sợ, lấy gươm gạt ra, nhưng con rùa đớp lấy gươm rồi biến mất. Ngài bấy giờ mới biết rằng con rùa ấy là vị thần hồ đã giúp ngài đánh quân Tàu. Sau người ta xây ở giữa hồ một cái tháp gọi là "Quy sơn tháp" (tháp Núi rùa), còn cái hồ ấy thì gọi là "Hoàn kiếm hồ" (hồ giả gươm).

Giải nghĩa.

- Ngự = tiếng để chỉ những việc vua làm, hay là những cái gì vua dùng như: ngự lãm (vua xem), ngự thuyền (vua đi thuyền), ngự bào (áo vua mặc).

Con rùa thần nổi lên mặt nước

Ông Lê Lai Liều Minh Cứu Chúa

Vua Lê Lợi bấy giờ ở Chí Linh bị quân tàu vây riết lắm; quân giặc sắp hạ được đồn, vua Lê tất bị giết. Vua mới hỏi tướng tá rằng: "Ai dám thay trăm ra phá vòng vây, đánh nhau với giặc? Người ấy sẽ bị giặc bắt, còn trăm thì nhân lúc giặc lui, mộ thêm quân, hợp binh lại, mưu sự báo thù." Ông Lê Lai ra nhận việc ấy.

Ông mặc áo ngự bào, cưỡi voi ra ngoài đồn, tự xưng là "Bình định vương" là hiệu vua Lê Lợi bấy giờ. Quân nhà Minh tưởng là vua Lê Lợi thực, xúm nhau lại bắt ông giết đi. Ông Lê Lai liều mình như thế thành ra cứu được vua Lê Lợi thoát nạn, mà nhân đó nước ta mới được tự chủ, khỏi phải quân Tàu áp chế.

Giải nghĩa.

- Vây = cho quân đứng quây xung quanh mà đánh. - Riết = quân vây rất nhiều mà đánh rất hăng. - Hạ = đánh lấy được. - Ngự bào = áo vua mặc. - Áp chế = đè nén, hà hiếp.

Ông Lê Lai cứu vua khỏi chết, cứu nước khỏi khổ

Ngày Giỗ

Trên bàn thờ, đồ đồng, đồ sơn bóng lộn (trong bóng), đèn nến sáng choang, khói hương nghi ngút, trông thật là nghiêm trang. Thầy tôi đứng ở trước, châm một nắm hương, cắm vào bình hương, lạy hai lạy, rồi quỳ xuống hai tay chắp để ngang trán, miệng lẩm nhẩm khấn. Thầy tôi khấn và lạy xong, thì đến những người trong họ và chúng tôi cứ lần lượt vào

lạ, mỗi người bốn lạ. Lễ xong một chốc hết tuần hương, thì cỗ bàn trên bàn thờ hạ xuống, dọn rượu, cả nhà hội họp ăn uống rất vui vẻ.

Giải nghĩa.

- Bó�ng = nhấn và sáng trông nhấp nhánh. - Lấm nhấm = nói sẽ trong mờm, người ngoài không nghe tiếng. - Tuần hương = một lượt hương cháy hết. nển = sấp.

Khói hương bay nghi ngút

Bữa Cơm Ngon

Cậu Tí đi học về một chốc, thì cha ở ngoài đồng cũng vác cày, dắt (dắt) trâu, về đến nhà.

Cơm đã chín. Mẹ và chị dọn ra để trên giường. cả nhà ngồi ăn. Cơm đỏ, canh rau, chẳng có gì là cao lương mỹ vị. Nhưng cơm sốt, canh nóng, bát đũa sạch sẽ cả nhà ăn uống ngon miệng no nê.

Nhất là cha mẹ, con cái, trên thuận dưới hòa, một nhà đoàn tụ sum họp với nhau, thì dầu cơm rau cũng có vị lấm.

Giải nghĩa.

- Cao lương mỹ vị = đồ ăn quý, đắt tiền. - Sum họp = họp mặt đông đủ. - Có vị = ăn ngon miệng.

Cơm sốt canh nóng ăn ngon

Con Chim Với Người Làm Ruợng

Chim là loài ăn những côn trùng làm hại lúa. Nhờ có chim mới trừ được những giống ấy. Chim có thể đuổi bắt côn trùng ở trên không, hay nhặt (lặt) nó ở luống cày. Chim chính là tuần ngoại của ta đó. Người làm tuần ngoại, thì chỉ giữ được kẻ trộm cắp hoa màu mà thôi, chứ chim làm tuần ngoại, thì mới giữ nổi các loài sâu bọ đâu đâu cũng vào lọt.

Vậy loài chim có ích cho nhà nông lắm. Chớ nên giết hại nó.

Giải nghĩa.

- Côn trùng = nói chung các loài sâu bọ. - Trừ = làm mất đi, giết đi. - Tuần ngoại = tuần coi lúa má ở ngoài đồng. - Hoa màu = các thứ cây ăn được trồng ở nơi cạn như: ngô, khoai, rau đậu. nhặt = lượm.

Không nên giết hại loài chim vì nó có ích cho người làm ruộng

Đứa Bé Và Con Mèo

Cô Mào thơ thẩn ngồi chơi một mình ở trong vườn. Cô thấy con mèo lượn qua, cô gọi, cô vẫy lại. Mèo đến lẩn quẩn ở bên cạnh, cái đuôi ve vẩy như vui mừng, cái đầu ngẩng lên như chào hỏi, miệng thì kêu "meo meo" ra dáng bằng lòng lắm.

Cô Mào chơi với con mèo cũng lấy làm vui thích. Cô lấy tay vuốt ve nó, ôm nó vào trong lòng. Nhưng được một chốc, cô nắm lấy đuôi con mèo, kéo một cái thật mạnh. Mèo bị đau, giận quá, giơ ngay chân ra cào cô một cái, xước cả tay, rồi bỏ mà đi mất.

Cô Mào xít xa, lại thơ thẩn ngồi một mình ở trong vườn. Thế mới biết người ác chẳng ai chơi với.

Giải nghĩa.

- Thơ thất = buồn bã, vì chỉ có một mình. - Lẩn quẩn = quanh ở bên mình không rời đi chỗ khác. - Xít xa = ý nói đau đớn, muốn kêu cho ra tiếng. Có nơi gọi là thít tha. bé = nhỏ. - vầy = ngoắc.

Không ai muốn làm bạn với người ác

Cái Cò, Cái Vạc, Cái Nông

(Ca dao)

Bài học thuộc lòng.

Cái cò, cái vạc, cái nông,
Sao mày giậm lúa nhà ông, hỡi cò?
Không, không tôi đứng trên bờ,
Mẹ con cái vạc đổ ngờ cho tôi.
Chẳng tin thì ông đi đôi,
Mẹ con nhà nó còn ngồi đây kia.

Đại ý.

Bài này lấy chuyện con, cò, con vạc, con nông, mà ngụ cái ý chê người nhà quê hay có tính xấu đôi co (chối) mách lẻo.

Giải nghĩa.

- Cái vạc = tức là con vạc, một thứ chim về loài cò, lông xám hay lốm đốm, thường đi ăn về ban đêm. - Cái nông = một thứ chim thuộc về loài vịt, ta thường gọi là bồ nông hay bè bè, mình to bằng ba con vịt, mỏ dài và ở dưới có cái túi để đựng cá. - Đi đôi = đi đôi co (chối) để đối tụng.

Ta không nên đôi co mách lẻo

Làm Người Phải Học

Ngọc kia chẳng giữa, chẳng mài,
Cũng thành vô dụng, cũng hoài ngọc đi.
Con người ta có khác gì,
Học hành quý giá, ngu si hư đời.
Những anh mít đặc thôì thời,
Ai còn mua chuộc, đón mời làm chi.

Đại ý.

Bài này nói người ta không học, thì ngu dốt, chẳng biết nghĩa lý gì. Ví như hòn ngọc dẫu quý, nhưng không giữa không mài, thì cũng chẳng thành đồ mà dùng được. Vậy người ta ai ai cũng phải học thì mới khôn.

Giải nghĩa.

- Vô dụng = không dùng được việc gì. - Quý giá = tôn trọng lên. - Hư đời = hỏng cả đời người, chẳng làm được việc gì. - Mít đặc = dốt chẳng biết một tí gì cả.

Làm người phải học

Thú Thật

Cậu Tô thơ thẩn chơi một mình ở trong phòng. Bỗng chốc cậu trông thấy có quít để trong nắp quả. Ôi chà! Những quả quít sao mà đỏ đẹp làm cho người ta thèm rỏ dãi (nhỏ nước miếng)! Không sao nhịn được, Tô chạy lại, lấy một trái bóc ăn.

Chiều đến, lúc mẹ về, gọi các con lại để cho quít thì thấy mất một trái. Mẹ liền hỏi: "Đứa nào lấy quít đây?" Tô đỏ bừng mặt, cúi đầu xuống, lẳng lặng một lúc, rồi thú ngay rằng: "Thưa mẹ, con."

Mẹ mắng: "À! Thằng này ăn vụng à! Ăn vụng xấu lắm, từ giờ phải chừa đi. Tao tha cho bạn này, vì mày đã biết thú thật mà nhận lỗi."

Giải nghĩa.

- Thèm = muốn ăn. - Lẳng lặng = im không nói gì.

Khi phạm lỗi, nên thú thật

Học Thuộc Lòng

Thằng Bút học bài ngụ ngôn. Nó đọc cả bài hai ba lượt rất có ý và nhận nghĩa cho thật hiểu.

Nó đọc câu đầu, rồi không nhìn vào sách mà đọc lại. Nó đọc thông thả, rõ ràng, không sai chút nào.

Nó đọc sang câu thứ hai. Thuộc rồi, đọc lại cả với câu đầu. Rồi nó học luôn như thế cho đến câu cuối cùng.

Sau Bút học lại cả bài, năm bảy bận. Lúc bấy giờ, gấp sách lại, đọc lâu lâu, chắc mai vào lớp không sợ ngắc ngư (trúc trắc).

Giải nghĩa.

- Ngụ ngôn = chuyện đặt ra, có ý để dạy bảo người ta. - Ngắc ngư = đọc vấp vấp, không trôi chảy. Có nơi gọi là ngúc ngắc.

Đọc bài thuộc lòng

Phải Có Thứ Tự

Đồng hồ đánh bảy giờ. Con Phong ung dung cặp sách đi học. Trong cặp nó đã sắp sẵn đủ cả sách, vở, bút, mực, bút chì và những đồ dùng khác. Ở lớp học cần đến cái gì, là có ngay. Nó không bỏ quên hay để mất cái gì bao giờ.

Hết buổi học về, Phong thay áo, treo lên mắc hay xếp vào hòm (rương), rất cẩn thận. Nên quần áo của Phong lúc nào trông cũng như mới.

Cả đến những chăn, gối, ở trên giường, giày, guốc để ở dưới đất, các đồ chơi để trong rương Phong cũng thu xếp đâu vào đấy, thật là gọn ghẽ. Nên khi dùng đến cái gì, là thấy ngay, không phải tìm (kiếm) mất công mất thời giờ. Phong là một đứa trẻ có thứ tự, ta nên bắt chước.

Giải nghĩa.

- Ung dung = ôn hòa, thư thả. - Gọn ghẽ = cái gì cũng có một chỗ để, không bỏ bậy, bỏ bạ. bút = viết. - chăn = mền.

Đồ đạc xếp đặt có thứ tự

Bệnh Chó Dại

Một hôm thằng Canh đang chăn bò ngoài bãi cỏ, bỗng chốc nó nghe tiếng lũ trẻ chơi gần đấy kêu ầm lên. Nó ngoảnh lại thì thấy một con chó dại đang đuổi cắn. Thằng Canh sẵn gậy cầm tay, liền chạy lại đánh, thì con chó chồm lên cắn phải tay nó. Nó hăng lên, phang vào đầu con chó mấy cái thật mạnh, thì con chó chết ngay.

Đoạn nó đánh bò về nhà, kể chuyện lại, thì cha nó liền đem nó vào nhà thương để chữa. Được ít lâu thì nó khỏi.

Ấy là nhờ có ông bác sĩ người Pháp là Pasteur đã tìm ra được thứ thuốc chữa bệnh chó dại, thì những người bị chó dại cắn mới chữa được, chứ như trước đã bị chó dại cắn, thì mấy khi sống.

Giải nghĩa.

- Chồm = nhảy xổ lên. - Phang = cầm gậy đánh thật mạnh. - Nhà thương = nhà chữa bệnh.
- Bác sĩ = người học thông thái. dại = điên.

Ông Pasteur là một người có công với nhân loại

Viện Pasteur

Có lắm bệnh như bệnh dịch hạch, bệnh tả, bệnh chó dại, bệnh lao, do những con sinh vật rất nhỏ, mắt không trông thấy được, gọi là vi trùng, mà phát ra. Muốn trị các bệnh ấy, trước phải tìm xem giống vi trùng nào gây nên, rồi mới tìm thuốc hoặc để phòng, hoặc để chữa. Nay tìm được như thế là nhờ có một nhà khoa học đại tài người Pháp tên gọi là Pasteur. Chính ông đã tìm ra vi trùng bệnh chó dại và thuốc trị bệnh ấy; nhờ đó mà cứu được biết bao nhiêu là mạng người. Về sau, các nhà khoa học mới theo phương pháp của ông mà tìm ra vi trùng những bệnh khác. Các ông ấy làm việc trong những sở người ta lấy tên nhà khoa học Pasteur mà đặt ra viện Pasteur.

Ở Đông Dương nay có ba viện Pasteur: một viện ở Sài Gòn, một viện ở Nha Trang, một viện ở Hà Nội.

Giải nghĩa.

- Sinh vật = tên gọi những giống biết ăn, biết uống, hoặc vận động được, hoặc không, nhưng sinh sản được mà có sống có chết. - Vi trùng = những con trùng nhỏ. - Phương pháp = cách thức mình phải tuân tỵ theo làm một công việc gì.

Ông Pasteur là một nhà khoa học đại tài

Chùa Làng Tôi

Chùa làng tôi lợp bằng ngói, đằng trước có sân, bên cạnh có ao, xung quanh có vườn. Ở trước sân có tam quan, trên là gác chuông, dưới là cửa để ra vào. Trong chùa, trên bệ cao, thì có nhiều tượng Phật bằng gỗ, sơn son thiếp vàng. Sau chùa thì có nhà tổ và chỗ các sư ở. Hai bên thì là nhà khách. Ngoài sân chùa thì có bia đá, ghi công đức những người đã có công với nhà chùa. Ngoài vườn có vài ngọn tháp, là nơi những vị sư đã tịch ở đấy.

Ngày rằm, mồng một, cứ đến tối, tôi thường theo bà tôi lên chùa lễ. Sư cụ tụng kinh, gõ mõ, ngồi ở trên; bà tôi và các già ngồi ở dưới, vừa lễ vừa nam mô Phật.

Trên bàn thờ thì đèn nến sáng choang, khói hương nghi ngút, trông thật nghiêm trang.

Giải nghĩa.

- Tam quan = cửa chính của nhà chùa, có ba cửa ra vào. - Nhà tổ = nhà thờ những vị sư đã tu ở chùa đã tịch rồi. nến = sáp.

Nhà sư gõ mõ tụng kinh

Cơn Mưa

Trời đương nóng nực, lá cây ngọn cỏ im phăng phắc, bỗng có cơn gió mát thổi. Ngẩng lên trông thấy về phía đông nam mây kéo đen nghịt một góc trời. Ai cũng bảo rằng sắp có trận mưa to.

Ngoài đường cái kẻ đi người lại, người nào cũng bước rảo cẳng (lạnh chân) để chóng về đến nhà, hay tìm chỗ trú (núp) cho khỏi ướt.

Ở trong nhà thì tiếng gọi nhau ơi ới chạy mưa. Nào là quần áo, chiếu chăn, thóc lúa, rơm rạ, phải chạy cho mau.

Đâu đâu cũng có tiếng động xôn xao, khác thường.

Duy chỉ có ở ngoài đồng, anh đi cày, chị đi cấy, là cứ điềm nhiên làm việc, vì họ đã phòng bị đủ cả nón và áo tơi rồi.

Giải nghĩa.

- Đen nghịt = đen khắp cả, không hở chỗ nào. - Chỗ trú = chỗ nghỉ, chỗ tránh mưa. - Bước rảo cẳng = bước rảo cho nhanh. Có nơi gọi là sấn chân. - Chạy = đây là cất đồ vào nhà. Ngẩng = ngước. - trông = coi. - chăn = mền.

Mây kéo đen nghịt một góc trời

Gió

Không khí trên mặt đất chuyển động luôn, không lúc nào đứng yên. Không khí chuyển động là vì nóng lạnh khác nhau. Không khí nóng thì nhẹ, lạnh thì nặng. Nhẹ thì bốc lên, nặng thì

chìm xuống. Bởi thế cho nên chỗ nào không khí nóng bốc lên, thì không khí lạnh đổ xô lại, để bù vào chỗ khuyết.

Cũng như trong nhà đốt lửa thì hơi nóng theo ông khói mà bay lên, hơi lạnh ở ngoài theo khe cửa mà luồn vào.

Ở trên mặt địa cầu cũng vậy, không khí chỗ nóng bốc lên ở chỗ lạnh chạy lại. Không khí chuyển động như thế tức là gió.

Giải nghĩa.

- Không khí = khí trời ở trên không. - Chuyển động = chạy đi chạy lại luôn, không đứng yên. - Địa cầu = trái đất.

Cây muốn lặng, gió chẳng dừng

Ông Nguyễn Kim

Khi nhà Mạc cướp ngôi vua rồi, thì ông Nguyễn Kim là người trung thành với nhà Lê, chạy trốn sang Lào. Người Lào giúp ông lương và tiền để ông đánh nhà Mạc phò nhà Lê. Ông lập ông hoàng tử Ninh là dòng dõi nhà Lê lên làm vua, rồi chiêu tập những người còn có bụng giúp nhà Lê.

Lúc ông đã đủ quân lính lương thực rồi, ông bèn về nước, đánh lấy đất Thanh Hóa, Nghệ An, rước vua Lê về, rồi lập một triều đình ở phía Nam. Năm sau ông đem quân ra Bắc đánh nhà Mạc, nhưng đến nửa đường thì bị một người hàng tướng nhà Mạc đánh thuốc độc chết.

Ông Nguyễn Kim thực là một người có công khôi phục lại nhà Lê.

Đền thờ ông nay ở Triệu Tường trong Thanh Hóa.

Giải nghĩa.

- Trung thành = có bụng chỉ thờ một người hay một họ đã cho mình ăn lộc. - Chiêu tập = họp lại làm một đảng. - Khôi phục = đánh lấy lại nước, lại quyền.

Ông Nguyễn Kim là một bầy tôi trung

Ông Tổ Sáng Lập Ra Nhà Nguyễn: Ông Nguyễn Hoàng

Ông Nguyễn Hoàng là con thứ hai ông Nguyễn Kim, làm trấn thủ đất Thuận Hóa.

Lúc ông đến nhậm chức, dân ở đó mang dưng ông bảy chum nước. Ông lấy làm lạ; người cậu bảo ông rằng: "Thế là lòng trời bảo cho mày biết đó: đây là điềm tướng công mở nước sau này đây!" Vì chữ "nước" vừa có nghĩa là "nước uống" vừa có nghĩa là "đất nước".

Về trấn Thuận Hóa rồi, ông bèn ra công làm cho trong hạt được yên ổn, lập đồn canh giữ, khai khẩn đất hoang, chọn dùng những người tài giỏi, hết sức làm cho dân sự mẫn phục. Ông thực là người gây dựng ra cơ nghiệp nhà Nguyễn ngày nay.

Giải nghĩa.

- Trấn = tên đặt cho những tỉnh lớn về đầu nhà Nguyễn. - Trấn thủ = quan cai trị một trấn. - Nhậm chức = bắt đầu nhận công việc làm quan.

Lòng trời tựa ông Nguyễn Hoàng

Trang Súc

Cô Năm chẳng học hành gì, chẳng may vá gì. Cả ngày chỉ cái gương, cái lược, chải chuốt, vuốt ve, sắm sửa trong mình cho đẹp. Bà mẹ thấy vậy, một hôm mắng rằng: "Mày tưởng chỉ có môi son, má phấn, áo quần là lượt mới là đẹp thôi ư? Không, con ơi! Người ta đẹp không cốt gì ở cái trang sức bề ngoài. Chỉ có người làm ăn chăm chỉ nét na tử tế mới thật là đẹp mà thôi. Mày học hành khá, khâu vá giỏi, xếp đặt mọi việc trong nhà cho có ngăn nắp, ấy là cái đẹp của mày ở đấy, con ạ."

Giải nghĩa.

- Trang sức = quần áo, phấn sáp cho đẹp. - Nét na = tính tốt.

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn

Ăn Mặc Phải Giữ Gìn

Cùng một ngày, bà mẹ may cho anh Giáp và anh Ất, mỗi người một cái áo lương. Thế mà chưa được bao lâu, áo của anh Ất đã sờn rách năm bảy chỗ, còn áo của anh Giáp vẫn nguyên lành như mới. Tại sao vậy? Tại anh Ất có áo mà không biết giữ; lúc mặc thì lê la giày vò; lúc cởi ra thì bạ đâu quăng đấy. Trách sao áo không chóng rách được! Còn áo của anh Giáp thì vẫn nguyên lành, là vì khi nào mặc thì anh giữ gìn sạch sẽ, và khi nào cởi ra, thì anh chịu treo, chịu gấp cẩn thận.

Các anh nên bắt chước anh Giáp mà ăn mặc để cho khỏi tổn hại cha mẹ, lại tập được cái tính tốt không đùnh đoàng (lài xài).

Giải nghĩa.

- Lương = có khi gọi là the, một thứ dệt bằng tơ và hay nhuộm thâm. - Sờn = sợi đã bợt ra, sắp rách. - Lê la = bạ đâu cũng sà xuống, không giữ gìn. - Đùnh đoàng = lười trễ không giữ gìn cẩn thận. chóng = mau. - đùnh đoàng = tầm phào.

Ăn mặc phải giữ gìn cẩn thận.

Một Cái Thư

Tôi viết thư cho anh tôi ở Hải-dương. Tôi lấy một tờ giấy trắng, trên đầu dòng, tôi đề ngày tháng, dưới tôi kể những tin tức ở nhà cho anh tôi biết. Sau tôi chúc cho anh tôi mọi sự bình yên, rồi tôi gấp lại, bỏ vào phong bì trên dán cái tem sáu xu. Xong tôi sai người nhà đem thư ra bỏ vào thùng nhà dây thép cạnh ga. thế là cái thư của tôi chỉ độ chiều mai là xuống tới Hải-dương, có người đem lại tận nhà cho anh tôi. Nghĩ mất có sáu xu mà được việc như thế, thật cũng là tiện lợi.

Giải nghĩa.

- Tem = cái dấu in sẵn, phải mua, dán vào thư thì mới gửi được. - Nhà dây thép = nhà gửi các thư từ giấy má. - Ga = nhà xe lửa đõ. gấp = xếp. - phong bì = bao thư.

Nhà giây thép giúp ta được nhiều việc

Thư Gửi Mừng Thầy Học

Ngày..... tháng..... năm.....

Thưa thầy,

Năm mới, con ở nhà được chúc mừng cha mẹ con. Con tiếc không được gần thầy để chúc mừng thầy.

Con còn bé dại, chưa biết viết thư thế nào cho hay. Con chỉ biết chúc thầy được mạnh khỏe, sống lâu, cũng như con đã chúc cho cha mẹ con vậy. Nhân dịp (nhịp) con lại xin hứa cùng thầy rằng: năm nay con hết sức học hành và không bao giờ dám quên công phu khó nhọc thầy dạy dỗ chúng con.

Học trò kính lạy:

Nguyễn Văn.....

Giải nghĩa.

- Mừng tuổi = mừng ai được thêm một tuổi ngày mừng một đầu năm. - Hứa = nhận làm một việc hay nhận cho cái gì.

Mừng tuổi nhau năm mới

Lũy Đồng Hới

Lũy Đồng Hới là cái lũy chúa Nguyễn đắp lên để giữ bờ cõi cho quân Trịnh ở ngoài Bắc khỏi tràn vào. Lũy ấy bắt đầu từ cửa sông Nhựt Lệ đến chân núi Đâu-mâu, cao gần 6 thước tây, dài 12 ki-lô-mét. Lũy đắp bằng đất, ngoài cắm đà bằng gỗ lim, trong có đường cho voi ngựa đi lại. Lũy ấy kiên cố lắm, thường quân Bắc vào đến đó là không tiến lên được nữa.

Lũy ấy tục gọi là lũy Thầy, vì người đời bấy giờ thường gọi ông Đào Duy Từ là "thầy", mà ông Đào Duy Từ là người vẽ kiểu và trông nom việc đắp cái lũy ấy.

Giải nghĩa.

- Bờ cõi = chỗ hai nước giáp nhau. - Đà = ván gỗ cắm xuống đất mà áp sát vào mặt lũy. - Kiên cố = bền chặt, không ai phá được.

Lũy để giữ bờ cõi

Chim Sơn Ca (Chuyện Chuyện)

Chim sơn ca là một thứ chim ở ngoài đồng, mình và lông gần giống như chim sẻ, nhưng mỏ dài và chân nhỏ hơn.

Chim sơn ca là giống chim hay hát, nhất là về mùa xuân. Thường thường nó vừa bay, vừa hát, càng bay cao, giọng càng véo von. Tiếng hát to, có khi nó bay thật cao, trông không thấy, mà vẫn nghe tiếng hát. Khi không bay thì đậu ở dưới đất chứ không đậu trên cành cây mà những lúc đậu ở dưới dưới đất, thì không hát bao giờ.

Người ta thường nuôi chim sơn ca để nghe nó hát; song nuôi nó thì công phu lắm, và phải bắt từ khi mới nở thì mới nuôi được.

Giải nghĩa.

- Véo von = cao giọng mà nghe hay. - Đậu = đứng một chỗ, nói về loài chim.

Chim sơn ca hay hát về mùa xuân

Con Chuột

Con chuột, mình nhỏ, mõm nhọn, mắt to, tai rộng, đuôi dài mà thót (nhọn). Lông nó ngắn và mềm. Chuột ở đâu cũng có, trong nhà, ngoài đồng, vườn tược, rừng rú. Chuột to ở dưới cống gọi là chuột cống, chuột nhỏ ở trong nhà gọi là chuột nhắt (lắt); chuột ở ngoài

đồng gọi là chuột đồng. Nó ăn quả, ăn hạt, ăn củ, ăn cây, cắn giấy, cắn vải, cắn gỗ, cắn da, cái gì nó cũng gặm được. Răng chuột cứng và sắc, nên nó khoét được cả tú và rương. Lúc đói, nó cắn cả quần áo của ta nữa. Giống chuột chỉ làm hại ta và lại nguy hiểm cho ta nữa, vì nó có thể đem bệnh dịch hạch mà truyền đi mọi nơi.

Giải nghĩa.

- Thót = dài mà đằng cuối cứ nhỏ dần mãi. - Gặm = cắn bằng răng cửa. - Rương = hòm để đựng đồ. To = lớn.

Chuột chẳng được ích lợi gì cho ta cả

Ở Sạch Thì Không Đau Mắt

Một hôm cậu thằng Bính đến chơi, đang ngồi nó chuyện thì thằng Bính chạy ra nghịch đất, rồi lấy tay giụi vào mắt. Bà mẹ trông thấy mắng rằng: "Tay mày bẩn thế mà giụi (chùi) vào mắt. Mày lại muốn mù như thằng Phác hay sao? Đi rửa ngay đi!" Bính nghe lời mẹ, vội vàng đi múc nước rửa.

Bà mẹ lại nói: "Trẻ con ta nhiều đũa đau mắt cũng chỉ vì dơ bẩn (nhóp nhúa) thế mà thôi". Ông cậu nói: "Phải bệnh đau mắt nước ta nhiều thật, nhưng nghe nói rằng từ khi Nhà nước đặt ra cuộc y tế, các thầy thuốc tây đi chữa đã bớt được nhiều". Bà mẹ nói: "Thế là may lắm, chứ người ta còn có gì khổ bằng hư hai con mắt".

Giải nghĩa.

- Giụi = lấy tay cọ vào mắt. Y tế = cuộc chữa thuốc giúp người bệnh tật. bẩn = dơ.

Ở sạch thì không hay đau mắt

Lý Trường Làng Ta

Lý trưởng là người của dân cử ra làm việc làng. Trong làng có việc gì ra đến Công sở, thì lý trưởng đi thay mặt dân. Công chức cao cấp có lệnh gì truyền về làng, cũng trách cứ ở lý trưởng. Hương hội có quyết định việc gì, thì lý trưởng phải thi hành. Nhưng công việc hệ trọng nhất của lý trưởng là việc sưu thuế. vì bao nhiêu tiền thuế đình, thuế điền, cùng một tay lý trưởng thu để đem nộp quan cả. Xem thế thì công việc lý trưởng nặng nhọc lắm.

Giải nghĩa.

- Thuế đình = thuế người. - Thuế điền = thuế ruộng. lý = xã.

Lý trưởng là người của làng cử ra

Giặc Khách Ở Bắc Việt

Về đời vua Tự Đức, có những bọn giặc khách gọi là Cờ đen và Cờ vàng tràn sang Bắc Việt ta, đi đến đâu phá hoại dân sự, đốt cháy làng mạc, bắt hiếp đàn bà con gái đến đấy. Chúng tàn phá đến nỗi ngày nay, nói đến chúng mà dân sự vẫn còn khiếp sợ. Lại thêm quân trộm cướp bắt lương trong nước nhập đảng với chúng nữa. Đang khi ấy thì có những "giặc tàu ô" quấy nhiễu ngoài ven biển xứ Bắc Việt và tàn phá những làng mạc vùng đó.

Mãi đến lúc nước Pháp đặt cuộc bảo hộ, cho quân lính đi dẹp, giặc mới tan mà trong nước trước bị loạn lạc mãi bấy giờ mới được yên.

Giải nghĩa.

- Bắt hiếp = bắt đem đi mà làm cho khổ sở. - Bất lương = có tính hung ác. - Nhập đảng = theo làm một bọn. - Đẹp = đánh đuổi cho đến cùng.

Giặc khách tàn phá các làng

Đi Câu

Những ngày nghỉ học, thỉnh thoảng tôi lại theo anh tôi đi câu cá. Anh tôi vác cần đi trước, tôi cầm mồi và xách giỏ theo sau. Chúng tôi thường hay câu ở các bờ ao, những nơi có bóng mát. Khi móc mồi rồi, thả xuống ao, phao nổi lênh bênh. Lúc nào thấy phao động đập ấy là cá cắn. Hễ phao chìm xuống, là anh tôi giật. Mà giật được con nào, tôi bỏ ngay vào giỏ. Anh tôi câu như thế, thường hay được cá rô, cá giếc, cá trê, cá chép, bện nào cũng được ít nhiều, có khi ăn đến hai bữa không hết.

Giải nghĩa.

- Câu = bắt cá bằng cần câu. - Phao = ống lông ngỗng hay miếng gỗ bộp, buộc vào chỉ câu để nổi trên mặt nước.

Tôi theo anh tôi đi câu.

Người Đi Cấy

(Ca dao)

(Bài học thuộc lòng)

Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề:
Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng, đá mềm,
Trời êm, bể lặng mới yên tâm lòng.

Đại ý.

Bài này nói người làm ruộng quanh năm ngày tháng cứ phải lo lắng luôn, vì có được mưa thuận, gió hòa thì mới được mùa và mới có đủ ăn, và mong thiên hạ được thái bình.

Giải nghĩa.

- Trông = mong mỏi, ao ước. - Chân cứng, đá mềm = tục ngữ, ý nói được khỏe mạnh để làm công việc. - Yên tâm lòng = khỏi phải lo sợ.

Có cày, có cấy mới có thóc gạo mà ăn

Vua Gia Long

Vua Gia Long, húy là Nguyễn Phúc Ánh, là cháu ông chúa cuối cùng nhà Nguyễn. Chúa Nguyễn bị quân Tây Sơn giết, ngài mới họp thủ hạ lại, vào đánh lấy đất Nam Việt.

Nhưng sau nhà Tây Sơn mang quân vào đánh, ngài bị thua. Ngài phải trốn sang Xiêm, rồi sai con là hoàng tử Cảnh đi với ông Bá Đa Lộc sang Pháp cầu cứu.

Sau ngài lại trở về Nam Việt, đánh lấy được thành Sài-gòn. Được ít lâu thì có tàu chiến, quân, tướng và binh khí bên Pháp sang giúp. Ngài bèn tiến ra Bắc, đánh lấy thành Qui Nhơn, Huế và Hà Nội. Ngài thu phục được cả giang sơn nước Việt Nam, mới lên ngôi hoàng đế mà lập ra cơ nghiệp nhà Nguyễn.

Giải nghĩa.

- Húy = tên tục, cha mẹ đặt ra để gọi mình. - Thủ hạ = người theo về với người khác, thuộc quyền người ta sai bảo. - Thu phục = lại lấy lại.

Vua Gia Long sáng nghiệp ra nhà Nguyễn

Các Lăng Tẩm Ở Huế

Cách kinh thành Huế một ít, ở trên bờ sông Hương có những lăng tẩm của vua nhà Nguyễn.

Muốn vào đấy thì phải đi qua những con đường rộng hai bên giồng (trồng) cây to, những cái sân rất rộng hai bên có tượng đá tạc hình các quan văn, võ, voi, ngựa, đứng chầu, rồi trèo lên những bậc thềm đá hai bên có rồng chạy, những đợt bậc cao bày những cái thống lớn; lại đi qua những cái cửa bằng đồng, những cái cầu bắc qua hồ, ao, dưới thả sen. Cứ thế mà đi, thì trước đến chỗ bi đình, trong dựng bia kể sự nghiệp vua, rồi đến điện thờ ngài, rồi sau mới đến mộ có cây cối um tùm, không biết quan quách chôn ở nơi nào cả.

Giải nghĩa.

- Lăng tẩm = mộ vua, xây rất đẹp đẽ. - Bi đình = nhà, trong có dựng bia. - Um tùm = xanh tốt, rậm rạp. Lăng tẩm ở trong Huế

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>